

BÁO CÁO
Kết quả công tác phòng, chống thiên tai năm 2025
và phương hướng, nhiệm vụ năm 2026

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Thực hiện Văn bản số 10799/BNMT-ĐĐ ngày 24/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc báo cáo kết quả công tác phòng, chống thiên tai năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2026; Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ tổng hợp, báo cáo kết quả cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH THIÊN TAI, THIẾT HẠI NĂM 2025

1. Tổng hợp tình hình thiên tai, thiệt hại và tác động đến dân sinh, kinh tế - xã hội của địa phương và lĩnh vực quản lý của các sở, ngành liên quan.

1.1. Tình hình thiên tai

a) Mưa và mưa lớn diện rộng

Trong năm qua trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 13 đợt⁽¹⁾ mưa lớn diện rộng (trong đó có 02 đợt mưa đạt RRTT cấp độ I, II); tổng lượng mưa năm trên khu vực tỉnh phổ biến ở mức cao hơn TBNN, trung bình từ 1.850-2.850mm, trong đó ghi nhận một số trạm có lượng mưa năm lớn như: Trạm Vạn Mai (xã Vạn Mai) 4.407mm; BQL Ngọc Sơn (xã Ngọc Sơn) 3.417mm; Phú Cường (xã Mùong Bi) 3.160mm; Lũng Vân (xã Vân Sơn) 3.145mm; Tam Đảo (xã Tam Đảo) 3.100mm; Tân Pheo (xã Tân Pheo) 3.100mm; Pù Pin 2 (xã Mai Châu) 3.051mm; Xuân Đài 2 (xã Xuân Đài) 3.040mm; Hương Nhượng 2 (xã Ngọc Sơn) 3.020mm; Quyết Chiến (xã Vân Sơn) 2.985mm...

¹ - 1. Đợt 01 (từ 23-24/5), ảnh hưởng của rãnh áp thấp có trục qua khu vực Bắc Bộ kết hợp hội tụ gió lên đến 5.000m, lượng mưa phổ biến 40-100mm, có nơi trên 100mm như Hiền Lương 118mm, Đại Phạm 108mm, Hạ Hòa 106mm.
2. Đợt 02 (từ 29-30/5), ảnh hưởng của rãnh áp thấp từ đợt mưa 01 tiếp tục bị nén, kết hợp hội tụ gió trên mực 1.500m, lượng mưa phổ biến 40-150mm; có nơi trên 150mm như Cự Thắng 219mm, Tam Thanh 224mm...
3. Đợt 03 (từ 15-17/6), ảnh hưởng của rãnh áp thấp có trục ở khoảng 23-25 độ vĩ Bắc, kết hợp hội tụ gió trên 500m, lượng mưa phổ biến 20-70mm; có nơi trên như Thái Thịnh 149,6mm, Dân Chủ 144,2mm, Tu Lý 142,6mm, Chi Cục Thủy Lợi Hòa Bình 127,4mm, Cao Sơn 126,8mm, Xuân Phong 102,2mm...
4. Đợt 04 (từ 20-23/6), ảnh hưởng của rãnh thấp có trục 24-27 độ vĩ Bắc, kết hợp với vùng hội tụ gió lên đến 5000m, lượng mưa phổ biến 40-130mm; có nơi trên như Bằng Luân 260mm, Mỹ Lương 242mm, Lương Nha 154mm, Hạ Hòa 152mm, Xuân Đài 152mm, Đại Phạm 144mm...
5. Đợt 05 (từ 28-30/6), ảnh hưởng của rãnh dài hội tụ nhiệt đới có trục qua khu vực Bắc Bộ kết hợp hội tụ gió lên đến 5.000m, lượng mưa phổ biến 30-80mm; có nơi trên như Thanh Ba 179,4mm, Hanh Cù 145,2mm, Đông Lĩnh 134,2mm, Hạ Hòa 100,6mm...
6. Đợt 06 (từ 01-03/7), do chịu ảnh hưởng của dải hội tụ nhiệt đới có trục ở khoảng 15-18 độ vĩ Bắc, kết hợp hội tụ gió lên đến 5000m, lượng mưa phổ biến 50-150mm; có nơi trên như Hạ Hòa 184mm, Tam Thanh 172mm...
7. Đợt 07 (từ 11-14/7), ảnh hưởng của rãnh áp thấp có trục qua Bắc Bộ kết hợp vùng hội tụ gió lên đến 5000 mét, lượng mưa phổ biến 50-100mm; có nơi trên như Lập Chiêng 164mm, Ngọc Sơn 157mm...
8. Đợt 08 (từ 21-24/7), ảnh hưởng của hoàn lưu cơn bão số 3, lượng mưa phổ biến 150-250mm, có nơi trên như Phúc Khách 289mm, Vạn Mai 280mm, Đoàn Kết 277mm, Trung Hòa 276mm...
9. Đợt 09 (từ 15-19/8), ảnh hưởng của rãnh áp thấp có trục qua Bắc Bộ, kết hợp hội tụ gió lên đến 5000m, lượng mưa phổ biến 30-130mm, có nơi trên như Dốc Kẽm 244,7mm, Hòa Sơn 208,6mm, Cự Yên 185mm, Vạn Mai 181,2mm, Cao Rầm 155mm...
10. Đợt 10 (từ 24-27/8), ảnh hưởng của hoàn lưu cơn bão số 5, tổng lượng mưa phổ biến 130-350mm, có nơi trên 350mm như Vạn Mai 593mm, Thủy Điện Định Cư 414mm, Phú Cường 413,8mm, Pù Pin 404,4mm, Lũng Vân 400,6mm, An Bình 366,4mm... **Cấp độ RRTT do mưa lớn: Cấp độ I, có nơi cấp độ II**
11. Đợt 11 (từ 29-31/8), ảnh hưởng của hoàn lưu cơn bão số 6, tổng lượng mưa phổ biến 30-130mm, có nơi trên như Thanh Lương 188,0mm, Xuân Phong 185,8mm, Kim Bôi 158,4mm, BQL Ngọc Sơn 147,0mm...
12. Đợt 12 (từ 25-29/9), ảnh hưởng của bão số 10, lượng mưa phía Tây Tây Nam phổ biến 200-530mm, các khu vực khác trong tỉnh phổ biến 100-350mm, có nơi trên 500mm như BQL Ngọc Sơn 581mm, Vạn Mai, 572mm, Lũng Vân 547mm... **Cấp độ RRTT do mưa lớn: Cấp độ I, có nơi cấp độ II**
13. Đợt 13 (từ 06-08/10), ảnh hưởng của hoàn lưu bão số 11, tổng lượng mưa phổ biến 50-130mm, có nơi trên như Hưng Thi 153,6mm, Vạn Mai 161,2mm, Yên Nghiệp 145,2mm, Mi Hòa 150mm...

(Chi tiết tổng lượng mưa tại Phụ lục 01 đính kèm)

b) Đông lốc, sét: Trong năm, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 02 đợt sét đánh kèm dông lốc với cường độ mạnh gây ra một số thiệt hại về người và tài sản: Sét đánh đã làm 03 người chết; dông lốc đã làm thiệt hại về cơ sở hạ tầng trong đó có trận dông lốc diện rộng trước cơn bão số 3 ngày 19/7 và trận dông lốc ngày 31/7.

c) Bão, áp thấp nhiệt đới: Trong năm có 05 cơn bão ảnh hưởng đến địa bàn tỉnh, cụ thể:

- Bão số 3 (*WIPHA*): Trên địa bàn tỉnh đã có mưa vừa đến mưa to và dông, đặc biệt phía Bắc, phía Tây và Tây Nam tỉnh đã có mưa to đến rất to, lượng mưa từ ngày 21-24/7 phổ biến 150-250mm, có nơi cao hơn như Phúc Khánh 289mm, Vạn Mai 280mm, Đoàn Kết 277mm, Trung Hòa 276mm. Gió mạnh nhất đạt cấp 3-5, riêng Tam đảo, Chi Nê, Lạc Sơn gió giật cấp 6-7.

- Bão số 5 (*KAJIKI*): Do ảnh hưởng của hoàn lưu bão, từ đêm 24-27/8, khu vực tỉnh đã có mưa to đến rất to và dông, lượng mưa phổ biến 130-350mm, có nơi cao hơn như Vạn Mai 593mm, Thủy Điện Định Cư 414mm, Phú Cường 413,8mm, Pu Pin 404,4mm, Lũng Vân 400,6mm, An Bình 366,4mm.

- Bão số 6 (*NONGFA*): Do ảnh hưởng của hoàn lưu bão, từ ngày 29-31/8 tỉnh Phú Thọ đã có mưa vừa, mưa to, có nơi mưa rất to và dông, lượng mưa phổ biến 35-100mm, có nơi cao hơn như Thanh Lương 188,0mm, Xuân Phong 185,8mm, Kim Bôi 158,4mm, BQL Ngọc Sơn 147,0mm.

- Bão số 10 (*BUALOI*): Do ảnh hưởng của hoàn lưu bão và vùng áp thấp suy yếu từ bão số 10 kết hợp với hội tụ gió lên đến 5000m hoạt động mạnh, từ đêm 28/9-30/9 tỉnh Phú Thọ có mưa to đến rất to và dông; lượng mưa phổ biến 100-450mm, nhiều nơi có gió mạnh đạt cấp 4-5, Phú Hộ đạt cấp 6, Tam Đảo đạt cấp 7.

- Bão số 11 (*MATMO*): Do ảnh hưởng của hoàn lưu vùng áp thấp suy yếu từ bão số 11 kết hợp với hội tụ gió lên đến 5000m, từ ngày 06-08/10, khu vực tỉnh có mưa vừa, mưa to, cục bộ có nơi mưa rất to, lượng mưa phổ biến 50-130mm, có nơi cao hơn như Hưng Thi 153,6mm, Vạn Mai 161,2mm, Minh Hòa 150mm.

d) Lũ sông:

Do ảnh hưởng mưa lớn từ hoàn lưu các cơn bão, cùng với nhiều đợt xả lũ các hồ thủy điện Tuyên Quang, Thác Bà, Hòa Bình, lũ lớn đã xảy ra trên các sông trên địa bàn tỉnh; trong năm, đã xuất hiện 03 đợt lũ trên sông Thao, 04 đợt lũ trên sông Bứa, 01 đợt lũ trên sông Lô, 02 đợt lũ trên sông Bôi, 04 đợt lũ trên sông Bùi, 02 đợt lũ trên sông Phó Đáy vượt trên mức báo động²⁾, cụ thể đỉnh lũ trên các sông: Sông

²⁾ 1. Sông Thao:

- Đợt 1: Từ ngày 24/7 đến 24/7;
- Đợt 2: Từ ngày 26/8 đến 28/8; đỉnh lũ tại Âm Thượng đạt +26,08m (hồi 1h ngày 27/8) trên BĐIII 0,08m; *RRTT cấp độ 3*;
- Đợt 3: Từ ngày 29/9 đến 01/10; đỉnh lũ tại Âm Thượng đạt +27,30m (hồi 7h ngày 30/9) trên BĐIII 1,30m; *RRTT cấp độ 3*. Đỉnh lũ tại Phú Thọ +17,59m (hồi 14h ngày 30/9) trên BĐI 0,09m.

2. Sông Bứa:

- Đợt 1: Từ ngày 29/5 đến 29/5; đỉnh lũ tại Thanh Sơn đạt +23,67m trên BĐI 0,67m (hồi 7h ngày 29/5);
- Đợt 2: Từ ngày 24/7 đến 24/7;
- Đợt 3: Từ ngày 26/8 đến 27/8; đỉnh lũ tại Thanh Sơn đạt +26,31m trên BĐIII 0,31m (hồi 12h ngày 26/8); *RRTT cấp độ 3*;
- Đợt 4: Từ ngày 29/9 đến 30/9; đỉnh lũ tại Thanh Sơn đạt +27,13m trên BĐIII 1,13m (hồi 20h ngày 29/9); *RRTT cấp độ 3*;

3. Sông Lô: Từ ngày 01/10 đến 03/10; đỉnh lũ tại Vụ Quang là +19,73m (hồi 10h ngày 02/10), trên BĐII 0,23m, *RRTT cấp độ 2*;

4. Sông Bôi:

- Đợt 1: Từ ngày 26/8 đến 27/8; đỉnh lũ tại Hưng Thi đạt +14,39m trên BĐIII 1,39m (hồi 17h ngày 26/8); *RRTT cấp độ 2*.
- Đợt 2: Từ ngày 29/9 đến 01/10; đỉnh lũ tại Hưng Thi đạt +16,15m trên BĐIII 3,15m (hồi 23h ngày 29/9); *RRTT cấp độ 3*.

5. Sông Bùi:

- Đợt 1: Từ ngày 24/7 đến 24/7;
- Đợt 2: Từ ngày 16/8 đến 16/8; *RRTT cấp độ 1*;
- Đợt 3: Từ ngày 26/8 đến 26/8; đỉnh lũ tại Lâm Sơn đạt +22,81m, trên BĐII 0,31m (hồi 14h ngày 26/8); *RRTT cấp độ 1*;
- Đợt 4: Từ ngày 29/9 đến 30/9; đỉnh lũ tại Lâm Sơn đạt +22,85m, trên BĐII 0,35m (hồi 18h ngày 26/8); *RRTT cấp độ 1*;

6. Sông Phó Đáy:

Bôi tại trạm Hưng Thi +16,15m vào hồi 23h ngày 29/9/2025 (trên BĐ III là 3,15m); sông Bùi tại trạm Lâm Sơn +22,85m vào hồi 18h ngày 29/9/2025 (trên BĐ II là 0,35m); sông Búra tại trạm Thanh Sơn +27,13m vào hồi 20h ngày 29/9/2025 (trên BĐ III là 1,13m); sông Thao tại trạm Ấm Thượng +27,3m vào hồi 7h ngày 30/9/2025 (trên BĐ III là 1,3m); sông Lô tại trạm Vụ Quang +19,73m vào hồi 10h ngày 02/10/2025 (trên BĐII là 0,23m); sông Phó Đáy tại trạm Kim Xá +14,65m vào hồi 7h ngày 02/10/2025 (trên BĐ I là 1,15m).

e) Rét đậm, rét hại: Trong năm, trên địa bàn tỉnh đã có 14 đợt không khí lạnh và không khí lạnh tăng cường; trong đó có 04 đợt rét đậm, rét hại đạt RRTT cấp I:

- Đợt 1: Từ ngày 11-13/01, nhiệt độ thấp nhất phổ biến từ 5°C đến 8°C.
- Đợt 2: Từ ngày 27-29/01, nhiệt độ thấp nhất phổ biến từ 4°C đến 12°C.
- Đợt 3: Từ ngày 07-10/02, nhiệt độ thấp nhất phổ biến từ 5°C đến 12°C.
- Đợt 4: Từ ngày 24-26/02, nhiệt độ thấp nhất phổ biến từ 8°C đến 13°C.

f) Nắng nóng: Trong năm đã xảy ra 15 đợt nắng nóng diện rộng, nhiệt độ phổ biến từ 38°C đến 40°C; xảy ra vào các ngày từ 19-20/4, 08-09/5; 20-21/5; 31/5-02/6; 06-08/6; 14-15/6; 18-19/6; 07-10/7; 17-19/7; 28-31/7; 02-05/8; 08-09/8; 11-12/8; 05-08/9; 20-21/9 ⁽³⁾

g) Sạt lở đất

Sạt lở trên địa bàn tỉnh chủ yếu xảy ra do sạt lở bờ, vỡ sông, ngòi; sạt lở đường giao thông và các điểm sạt lở đất, taluy đồi...; trong đó có 243 vị trí sạt lở đường giao thông, 17.030m bờ sông, suối bị sạt lở, cùng rất nhiều các điểm sạt lở taluy đồi, núi xảy ra tại các khu vực miền núi thuộc địa bàn tỉnh Hòa Bình, Phú Thọ cũ.

h) Xả lũ hồ thủy điện

Trong năm qua, các hồ thủy điện lớn liên tục xả lũ ảnh hưởng rất lớn đến nuôi trồng thủy sản và bờ, vỡ sông cũng như các công trình đê điều, thủy lợi dọc các tuyến sông Đà, sông Lô, sông Chảy trên địa bàn tỉnh; trong đó hồ thủy điện Sơn La mở 04 đợt xả lũ; hồ Hòa Bình mở 05 đợt xả lũ; hồ Tuyên Quang 05 đợt xả lũ; hồ Thác Bà 02 đợt xả lũ.

1.2. Thống kê thiệt hại

- *Thiệt hại về người:* 06 người chết (03 người do sét đánh, 02 người do lũ cuốn, 01 người do giông lốc); 03 người bị thương.

- Đợt 1: Từ ngày 30/9 đến 03/10; đỉnh lũ tại Quảng Cư đạt +29,40, trên BĐII 0,4m (hồi 21h ngày 30/9); RRTT cấp độ 1. Đỉnh lũ tại Kim Xá đạt +14,65m, trên BĐI 1,15m.

- Đợt 2: Từ ngày 07/10 đến 08/10;

³ - Đợt 1: Từ ngày 19-20/4, nhiệt độ cao nhất phổ biến 35-39°C; cao nhất tại Hòa Bình 39,5°C, Mai Châu 38,2°C, Lạc Sơn 38,1°C (ngày 20/4);

- Đợt 2: Từ ngày 08-09/5, nhiệt độ cao nhất phổ biến 35-40°C; cao nhất tại Mai Châu 40,4°C, Chi Nê 38,1°C, Lạc Sơn 37,6°C (ngày 08/5);

- Đợt 3: Từ ngày 20-21/5, nhiệt độ cao nhất phổ biến 35-37°C; cao nhất tại Mai Châu 37,3°C, Hòa Bình 36,6°C (ngày 20/5);

- Đợt 4: Từ ngày 31/5-02/6, nhiệt độ cao nhất phổ biến 37-39°C; cao nhất tại Lạc Sơn 39,9°C, Chi Nê 39,7°C, Hòa Bình 39,3°C, Kim Bôi 39,5°C, Vĩnh Yên 39,6°C, Minh Đài 39,5°C, Việt Trì 39,0°C (ngày 02/6); **RRTT Cấp độ I;**

- Đợt 5: Từ ngày 06-08/6, nhiệt độ cao nhất phổ biến 35-37°C; cao nhất tại Hòa Bình 37,5°C, Chi Nê 36,1°C (ngày 08/6);

- Đợt 6: Từ ngày 14-15/6, nhiệt độ cao nhất phổ biến 35-39°C; cao nhất tại Mai Châu 39,3°C, Chi Nê 38,7°C, Hòa Bình 38,4°C, Vĩnh Yên 37,7°C, Việt Trì 37,8°C (ngày 15/6);

- Đợt 7: Từ ngày 18-19/6, nhiệt độ cao nhất phổ biến 35-36°C, cao nhất tại Chi Nê 36,8°C (ngày 19/6); Vĩnh Yên 36,3°C (ngày 18/6);

- Đợt 8: Từ ngày 07-10/7, nhiệt độ cao nhất phổ biến 35-39°C, cao nhất tại Hòa Bình 39,4°C, Lạc Sơn 39,2°C (ngày 09/7); **RRTT Cấp độ I.**

- Đợt 9: Từ ngày 17-19/7, nhiệt độ cao nhất phổ biến 35-38°C, cao nhất tại Lạc Sơn 38,0°C (ngày 18/6); Vĩnh Yên 37,6°C, Minh Đài 37,9°C (ngày 19/6);

- Đợt 10: Từ ngày 28-31/7, nhiệt độ cao nhất phổ biến 35-38°C, cao nhất tại Hòa Bình 38,6°C, Mai Châu 37,8°C, Minh Đài 38,3°C (ngày 30/7);

- Đợt 11: Từ ngày 02-05/8, nhiệt độ cao nhất phổ biến 35-39°C, cao nhất tại Chi Nê 39,8°C, Vĩnh Yên 39,2°C, Việt Trì 38,8°C (ngày 04/8); Lạc Sơn 39,6°C, Hòa Bình 39,7°C (ngày 03/8); **RRTT Cấp độ I.**

- Đợt 12: Từ ngày 08-09/8, nhiệt độ cao nhất phổ biến 35-38°C, cao nhất tại Hòa Bình 38,4°C, Chi Nê 38,2°C, Vĩnh Yên 37,3°C (ngày 09/8);

- Đợt 13: Từ ngày 11-12/8, nhiệt độ cao nhất phổ biến 35-37°C, cao nhất tại Kim Bôi 37,0°C, Mai Châu 36,5°C (ngày 11/8); Vĩnh Yên 36,7°C, Việt Trì 36,8°C (ngày 12/8).

- Đợt 14: Từ ngày 05-08/9, nhiệt độ cao nhất phổ biến 35-38°C, cao nhất tại Hòa Bình 38,1°C, Mai Châu 37,2°C, Vĩnh Yên 36,9°C, Việt Trì 36,8°C (ngày 08/9).

- Đợt 15: Từ ngày 20-21/9, nhiệt độ cao nhất phổ biến 35-36°C, cao nhất tại Hòa Bình 36,5°C, Vĩnh Yên 35,4°C (ngày 21/9).

- *Thiệt hại về nhà ở*: 3.523 nhà bị ngập nước, 2.576 nhà bị hư hỏng, tốc mái.
- *Số hộ dân phải di dời*: Để đảm bảo an toàn cho người và tài sản, các xã, phường đã sơ tán 4.224 lượt hộ dân (khoảng 15.194 nhân khẩu) đang sinh sống ở các khu vực có nguy cơ sạt lở, lũ quét, ngập lụt đến nơi an toàn.
- *Thiệt hại về giáo dục, y tế, công trình văn hóa, di tích bao gồm*: 113 điểm trường, 07 cơ sở y tế; 27 công trình văn hóa, 01 di tích lịch sử.
- *Thiệt hại về Nông, lâm nghiệp*: 7.319ha lúa; 5.242ha hoa màu; 543ha cây trồng lâu năm; 3.272ha cây trồng hàng năm; 327ha cây ăn quả và 749ha rừng.
- *Thiệt hại về thủy sản*: 4.258 ha thủy sản bị ngập, tràn bờ.
- *Thiệt hại về chăn nuôi (gia súc, gia cầm)*: 463 con gia súc và 48.635 con gia cầm bị chết.
- *Thiệt hại về thủy lợi*: 560m đê bị sạt lở (đê cấp III trở lên 20m, đê cấp IV, cấp V 410m, đê bao, đê bồi 130m); 2.206m kè bị sạt lở; đổ vỡ 240.591m kênh mương; 25 cống, 109 phai, đập bị sạt lở; 41 trạm bơm hư, hỏng; 17.030m bờ sông, suối bị sạt lở.
- *Thiệt hại về giao thông*: Có 1.428 điểm bị sạt lở trên các tuyến đường giao thông, chiều dài 59.445m, khối lượng 272.255m³ đất đá sạt lở và nhiều điểm đường bị ngập úng ảnh hưởng đến giao thông đi lại.
- *Thiệt hại về điện*: 133 cột điện bị đổ, hư hỏng, 01 cột ăng ten bị đổ gãy.
- *Thiệt hại khác*: 10 điểm trụ sở cơ quan, 02 chợ, 03 công trình xưởng, 04 nhà kho bị thiệt hại; 4.901,12 chậu cây cảnh bị thiệt hại; 916 cây xanh đô thị bị đổ gãy và các thiệt hại khác.

Tổng thiệt hại ước tính khoảng 1.550 tỷ đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục 02, Phụ lục số 03 đính kèm)

2. Kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo; việc triển khai các biện pháp phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.

2.1 Kết quả công tác phòng ngừa

2.1.1 Kiện toàn, nâng cao năng lực cơ quan tham mưu về phòng, chống thiên tai các cấp.

Trước khi thực hiện chính quyền 02 cấp, các nhiệm vụ trong công tác phòng chống thiên tai được UBND tỉnh, Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và TKCN các tỉnh Phú Thọ, Hòa Bình, Vĩnh Phúc cũ triển khai đảm bảo các yêu cầu trong công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai. Sau khi thực hiện chính quyền 02 cấp, nhằm tiếp tục đáp ứng nhiệm vụ cấp bách trong công tác phòng chống thiên tai, UBND tỉnh đã kiện toàn Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự - Phòng chống thiên tai và TKCN tỉnh; đến ngày 26/8/2025, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 770/QĐ-UBND thành lập Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự tỉnh, thay thế cho Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự - Phòng, chống thiên tai và TKCN theo quy định tại Nghị định số 200/2025/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể các kết quả trong công tác tham mưu về phòng, chống thiên tai:

- UBND tỉnh ban hành Chỉ thị Tăng cường công tác phòng, chống, khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra trong mùa mưa bão năm 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ; Phương án ứng phó thiên tai tương ứng với các cấp độ rủi ro thiên tai; ban hành 12 Công điện chỉ đạo, ứng phó, khắc phục hậu quả bão số 3, số 5, số 10, số

11; cùng nhiều Văn bản chỉ đạo đảm bảo an toàn hệ thống đê điều, thủy lợi trên địa bàn tỉnh trong mùa mưa lũ; chỉ đạo ứng phó mưa đông, lũ quét, ngập lụt; đảm bảo an toàn hạ du khi xả lũ các hồ thủy điện Hòa Bình, Tuyên Quang, Thác Bà...

- Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự Ban hành Quy chế hoạt động theo quy định tại Nghị định số 200/2025/NĐ-CP ngày 09/7/2025; trong đó giao Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan giúp việc, thực hiện nhiệm vụ tham mưu cho Ban Chỉ huy về công tác phòng, chống thiên tai. Quyết định thành lập tổ thường trực ứng phó thiên tai và TKCN khu vực Hoà Bình.

- UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành 02 Nghị quyết: Quy định mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn tỉnh Phú Thọ; Nghị quyết quy định nội dung chi duy tu, bảo dưỡng đê điều và xử lý cấp bách (khẩn cấp) sự cố đê điều đối với hệ thống đê điều do tỉnh Phú Thọ quản lý.

Ban hành 06 Quyết định: Quy định chi tiết nội dung chi và mức chi của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh; Quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn tỉnh Phú Thọ; Quy định về quản lý các tuyến đê và hành lang bảo vệ đối với đê cấp IV, cấp V trên địa bàn tỉnh Phú Thọ; Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng vật tư, trang thiết bị chuyên dùng phòng, chống thiên tai của các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh Phú Thọ; Quy định tiêu chí bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với công trình, nhà ở thuộc quyền sở hữu của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Phú Thọ; Quy định mức thù lao cho lực lượng tuần tra, canh gác đê trong mùa lũ trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường ban hành các Công điện đảm bảo an toàn hạ du khi các hồ thủy điện xả lũ; ban hành 37 lệnh báo động lũ trên các sông, lệnh xả lũ các hồ chứa nước trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn UBND các xã, phường thực hiện, triển khai các nhiệm vụ công tác phòng, chống thiên tai theo chính quyền địa phương 02 cấp; hướng dẫn kiện toàn, củng cố lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cơ sở. Lập các nhóm Zalo Phòng chống thiên tai Phú Thọ để kết nối từ cấp tỉnh đến 148 xã, phường, kịp thời truyền tải, tiếp nhận, nắm bắt thông tin diễn biến tình hình thiên tai, thiệt hại trên địa bàn tỉnh.

- Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh (*Cơ quan thường trực Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh*) thường xuyên chỉ đạo các cơ quan giúp việc Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự theo phạm vi, lĩnh vực quản lý nhà nước được phân công, tăng cường công tác thông tin truyền thông về phòng thủ dân sự, phòng, chống thiên tai và TKCN.

- Công an tỉnh ban hành Văn bản, kế hoạch chỉ đạo theo yêu cầu, nhiệm vụ của Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh, cũng như của ngành Công an triển khai các nhiệm vụ về phòng, chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu; phối hợp chặt chẽ với các đơn vị trong ngành, các đơn vị liên quan triển khai thực hiện.

- Sở Xây dựng chỉ đạo Ban quản lý dự án xây dựng và bảo trì công trình giao thông, đơn vị quản lý đường bộ thực hiện nghiêm túc công tác tuần tra kiểm tra, quản lý bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, như: Khơi thông dòng chảy hệ thống cầu, cống thoát nước; phát quang mái taluy, nền đường, gia cố mái taluy âm; sửa chữa rãnh thoát nước; bảo dưỡng tràn thoát nước,...; tăng cường chỉ đạo phòng ngừa thiên tai đối với các bến thủy nội địa trên địa bàn.

- Sở Khoa học và Công nghệ tiếp tục duy trì và phát huy hiệu quả các tổ ứng cứu khắc phục sự cố của doanh nghiệp để sẵn sàng nhiệm vụ khi cần thiết; triển khai linh hoạt hiệu quả phương châm “4 tại chỗ”; vật tư trang thiết bị dự phòng phục vụ phòng, chống thiên tai được đảm bảo cho từng địa bàn, đặc biệt là các khu vực trọng điểm vùng ưu tiên đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ chỉ đạo điều hành về phòng, chống thiên tai.

- Thanh tra tỉnh ban hành Quyết định số 514/QĐ-TTr ngày 21/7/2025 kiểm tra công tác phòng, chống thiên tai và TKCN, ứng phó với cơn bão số 3 tại các xã, phường: Phúc Yên, Xuân Hòa, Bình Nguyên, Xuân Lăng, Bình Xuyên, Bình Tuyên; Công ty TNHH MTV Thủy lợi: Liễn Sơn, Phúc Yên.

- Sở Công thương xây dựng Kế hoạch số 117/KH-SCT ngày 22/7/2025 bình ổn thị trường hàng hóa, nhu yếu phẩm thiết yếu phục vụ phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh. Đồng thời chỉ đạo các doanh nghiệp chủ động xây dựng và tổ chức triển khai phương án phòng thủ dân sự, ứng phó thiên tai để đảm bảo an toàn cho người, công trình, nhà xưởng, thiết bị, kho chứa, trụ sở làm việc...; chủ động xây dựng kế hoạch, phương án dự trữ các mặt hàng thiết yếu, lương thực, thực phẩm phục vụ phòng thủ dân sự ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; đồng thời sẵn sàng phương án cung ứng hàng hoá cho nhân dân các vùng bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh, các vùng bị chia cắt, cô lập.

- Sở Y tế đã chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị y tế từ tỉnh đến Trạm y tế xã, phường, các bệnh viện đa khoa - chuyên khoa tuyến tỉnh, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, Trung tâm Y tế/Bệnh viện đa khoa khu vực và các đơn vị trực thuộc Sở Y tế... triển khai thực hiện các hoạt động như: Xây dựng kế hoạch Phòng thủ dân sự, Phòng, chống thiên tai, thảm họa phù hợp tình hình thực tế của từng địa phương; ban hành hướng dẫn về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường, xử lý nước sạch và phòng chống dịch bệnh trước, trong và sau mưa lũ; cán bộ y tế thuộc Trạm y tế xã đều được phân công chức năng, nhiệm vụ và địa bàn phụ trách về công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả của tai nạn, sự cố, thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, môi trường...

- Các Công ty TNHH NN MTV Thủy lợi: Liễn Sơn, Lập Thạch, Tam Đảo, Phúc Yên; Công ty TNHH NN MTV khai thác công trình thủy lợi Phú Thọ; Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Hòa Bình thường xuyên tổ chức các đoàn đi kiểm tra, đánh giá các công trình thủy lợi để quyết định phương án tích nước và có giải pháp đảm bảo an toàn đối với đập, hồ chứa nước; rà soát toàn bộ hệ thống công trình, lập phương án di dời máy móc thiết bị đến nơi an toàn để giảm thiểu thiệt hại. Kiểm tra mực nước nội đồng đối với các trạm bơm tiêu, có kế hoạch chỉ đạo bơm tiêu nước đệm, bơm thường xuyên theo quy trình vận hành với phương châm lúa và hoa màu nếu bị ngập úng thì ở mức thấp nhất.

- UBND các xã phường sau khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp đã khẩn trương kiện toàn Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và TKCN (*nay là Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp xã*); xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai cấp xã; rà soát, xây dựng và phê duyệt phương án ứng phó thiên tai tại địa phương theo từng khu vực để phù hợp với diễn biến tại địa phương; chuẩn bị các điều kiện theo phương châm “4 tại chỗ” để sẵn sàng ứng phó với tình huống thiên tai, ban hành các văn bản chỉ đạo phục vụ cho công tác phòng, chống thiên tai của địa phương.

2.1.2 Đầu tư cơ sở vật chất trang thiết bị, ứng dụng khoa học công nghệ, xây dựng cơ sở dữ liệu, công cụ hỗ trợ điều hành ứng phó thiên tai.

- 03 tỉnh trước sáp nhập đã đầu tư đồng bộ cơ sở hạ tầng và thiết bị cảnh báo sớm, hệ thống cảnh báo sạt lở; sửa chữa, nâng cấp nhiều công trình phòng, chống thiên tai; vận hành 186 trạm đo mưa tự động, đồng thời triển khai các mô hình “Cộng đồng an toàn” hiệu quả. Nhờ đó, năng lực dự báo, cảnh báo sớm và khả năng ứng phó thiên tai tại chỗ được nâng cao rõ rệt, giảm thiểu thiệt hại, góp phần đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản cho nhân dân.

- Sau khi sáp nhập tỉnh Phú Thọ mới và vận hành chính quyền địa phương 02 cấp thực hiện đồng bộ từ 03 tỉnh cũ để tổ chức vận hành đảm bảo các quy định của tỉnh mới như: Xây dựng, cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất, công trình phòng, chống thiên tai từ các nguồn ngân sách, Quỹ phòng, chống thiên tai. Duy trì và vận hành hơn 186 trạm đo mưa tự động (*khu vực Phú Thọ 47 trạm, khu vực Hoà Bình 121 trạm, khu vực Vĩnh Phúc 18 trạm*), 15 trạm đo mực nước sông, 02 hệ thống theo dõi cảnh báo sạt lở, 02 hệ thống Camera theo dõi mực nước sông trên địa bàn tỉnh phục vụ công tác phòng ngừa, ứng phó với thiên tai trên địa bàn tỉnh; phát tin cảnh báo thiên tai thường xuyên qua Đài Phát thanh – Truyền hình, hệ thống truyền thanh cơ sở, bản tin SMS, website và mạng xã hội; cập nhật liên tục các bản tin mưa lớn, lũ quét, sạt lở đất, nắng nóng, bão, áp thấp nhiệt đới và lồng ghép thông tin cảnh báo vào hoạt động tuyên truyền tại địa phương, trường học và cộng đồng.

2.1.3. Kết quả triển khai Chỉ Thị của Ban Bí Thư; Nghị quyết của Chính phủ; Chiến lược quốc gia, kế hoạch, chương trình tổng thể phòng, chống thiên tai.

a) Kết quả triển khai thực hiện Chỉ thị số 42/CT-TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư; Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ.

Thực hiện Kết luận số 213-KL/TW ngày 21/11/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai. Để tiếp tục thực hiện các Chỉ thị, Nghị Quyết của Chính phủ trong công tác phòng, chống thiên tai và chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy tại Văn bản số 376-CV/TU ngày 02/12/2025 về việc quán triệt và tham mưu thực hiện Kết luận số 213- KL/TW ngày 21/11/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng; UBND tỉnh đã tham mưu cho Đảng uỷ UBND tỉnh trình Tỉnh uỷ Phú Thọ ban hành Kế hoạch số 19-KH/TU ngày 14/01/2026 thực hiện Kết luận số 213-KL/TW ngày 21/11/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Ban Tuyên giáo và Dân vận tỉnh ủy ban hành Công văn số 172-CV/BTGDVTU ngày 26/12/2025 tuyên truyền thực hiện Kết luận số 219-KL/TW của Bộ Chính trị và Kết luận số 213-KL/TW của Ban Bí thư.

b) Kết quả triển khai Chiến lược, Kế hoạch, Chương trình tổng thể phòng, chống thiên tai quốc gia.

- Ngay sau khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp, tỉnh Phú Thọ tiếp tục chỉ đạo các đơn vị, địa phương tiếp tục thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống thiên tai tại Quyết định số 379/QĐ-TTg ngày 17/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 342/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch Phòng, chống thiên tai quốc gia đến năm 2025; Quyết định số 1651/QĐ-TTg ngày 30/12/2022 của Thủ tướng chính phủ về phê duyệt Chương trình tổng thể Phòng, chống thiên tai quốc gia. Đồng thời rà soát, điều chỉnh, bổ sung các Kế hoạch, chỉ đạo thực hiện trên địa bàn tỉnh đảm bảo phù hợp với chính quyền, điều kiện và tình hình mới sau sáp nhập.

- Thực hiện Văn bản số 7722/BNMT-ĐĐ ngày 10/10/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và chỉ đạo của UBND tỉnh; ngày 30/10/2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã có Báo cáo số 6391/SNNMT-TL gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường kết quả thực hiện Kế hoạch phòng, chống thiên tai quốc gia đến năm 2025 và đề xuất kế hoạch giai đoạn 2026-2030.

2.1.4. Rà soát, cập nhật, bổ sung kế hoạch phòng, chống thiên tai, phương án ứng phó với các cấp độ rủi ro thiên tai các cấp.

- Về việc xây dựng Kế hoạch phòng, chống thiên tai giai đoạn 2026-2030: UBND tỉnh đã chỉ đạo và giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, tổ chức rà soát, xây dựng và trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch phòng, chống thiên tai giai đoạn 2026-2030, tỉnh Phú Thọ; hoàn thành trước tháng 9/2026.

- Về phương án ứng phó với các cấp độ rủi ro thiên tai: Ngày 24/9/2025, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1121/QĐ-UBND phê duyệt phương án ứng phó thiên tai tương ứng với các cấp độ rủi ro thiên tai tỉnh Phú Thọ để phù hợp với việc thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp. Ngày 31/12/2025, UBND tỉnh ban hành Văn bản số 12785/UBND-NN8 triển khai Phương án ứng phó thiên tai tương ứng với các cấp độ rủi ro thiên tai tỉnh Phú Thọ; đồng thời cập nhật, bổ sung phương án ứng phó với nguy cơ lũ ống, lũ quét, sạt lở đất trên địa bàn tỉnh.

2.1.5. Tổ chức đào tạo, tập huấn, diễn tập phương án ứng phó với thiên tai ở các cấp; Công tác thông tin, truyền thông, tuyên truyền, nâng cao nhận thức và kỹ năng ứng phó của các cấp chính quyền, người dân, cộng đồng về phòng, chống thiên tai.

Trong năm 2025, có nhiều biến động do chủ trương sáp nhập chính quyền 02 cấp, sau sáp nhập lại liên tiếp ảnh hưởng của lũ bão, công tác tập huấn, diễn tập, thông tin, tuyên truyền chưa có nhiều nổi bật. Tuy nhiên, kế thừa và phát huy kết quả đạt được trước khi sáp nhập, một số kết quả cụ thể như sau:

- Trong năm, UBND tỉnh chỉ đạo tổ chức các hoạt động hưởng ứng Tuần lễ Quốc gia về Phòng, chống thiên tai, kỷ niệm Ngày truyền thống phòng, chống thiên tai (22/5), Ngày Quốc tế giảm nhẹ rủi ro thiên tai (13/10). Trong đó, các hoạt động thông tin, tuyên truyền, tập huấn được các cơ quan, đơn vị triển khai đa dạng qua lớp tập huấn, hội nghị trực tuyến; trên Báo, Đài PT-TH Phú Thọ, website của Sở Nông nghiệp và Môi trường với nhiều chuyên mục, chuyên đề, tin bài, cảnh báo và văn bản chỉ đạo... Các thông tin cảnh báo, hướng dẫn ứng phó thiên tai luôn được truyền tải kịp thời qua văn bản, facebook, zalo, góp phần nâng cao ý thức, kỹ năng và hiệu quả phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh ⁽⁴⁾.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường đã chủ động tham mưu cho UBND tỉnh trong công tác Phòng, chống thiên tai; ban hành Văn bản số 2576/SNNMT-TL ngày 25/7/2025 về việc triển khai thực hiện các quy định về chức năng, nhiệm vụ,

⁴ - Bộ CHQS tỉnh tổ chức tuyên truyền cho 100% cán bộ, chiến sĩ về công tác PTDS, trên 100 tin bài tuyên truyền về công tác ứng phó sự cố thiên tai và TKCN.

- Công an tỉnh phối hợp cơ quan báo chí Trung ương, địa phương xây dựng, đăng tải trên 500 tin, bài, phóng sự tuyên truyền về công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai, sự cố; Cảnh sát PCCC và CNCH duy trì phát sóng chuyên mục "Bản tin 114" định kỳ hằng tháng.

- Các sở, ngành tỉnh đã tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật Phòng thủ dân sự và các văn bản liên quan cho cán bộ, công chức thông qua các cuộc họp giao ban, sinh hoạt cơ quan.

- Báo và Phát thanh truyền hình tỉnh tăng cường tuyên truyền về PCTT-TKCN, phổ biến kiến thức, kỹ năng phòng tránh, giảm nhẹ rủi ro thiên tai cho người dân, du khách và các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực văn hoá, thể thao và du lịch.

- Hội chữ thập đỏ: Tổ chức 20 lớp tập huấn kỹ năng sơ cấp cứu, phòng chống đuối nước, ứng phó mưa lũ cho học sinh, cán bộ thôn bản và tình nguyện viên, thu hút hơn 2.000 lượt người tham gia; thành lập 12 điểm Nhà an toàn cộng đồng tại các xã thường xuyên bị ngập lụt, chuẩn bị đầy đủ trang thiết bị ứng phó như áo phao, phao bè, dụng cụ cứu hộ và bộ sơ cứu.

thảm quyền của cấp xã theo quy định của pháp luật về Đê điều, Phòng, chống thiên tai và Khí tượng thủy văn, chú trọng các nội dung liên quan đến việc thực hiện Đề án 553 về nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đến năm 2030

- Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh tham mưu tổ chức diễn tập phòng thủ dân sự, ứng phó sự cố đê điều, hồ đập tỉnh năm 2025 (tỉnh Vĩnh Phúc cũ), lực lượng tham gia 1.486 người, 52 phương tiện; kết quả đạt xuất sắc.

2.1.6. Tình hình thực hiện phương châm “4 tại chỗ” tại địa phương; gắn xây dựng cộng đồng an toàn với thực hiện tiêu chí an toàn về phòng, chống thiên tai trong xây dựng nông thôn mới; củng cố, nâng cao năng lực và hoạt động của đội xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã theo Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 09/7/2021.

a) Tình hình thực hiện phương châm “bốn tại chỗ” tại địa phương, gắn với xây dựng cộng đồng an toàn với thực hiện tiêu chí an toàn về phòng, chống thiên tai.

Công tác kiện toàn, phân công nhiệm vụ Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và TKCN được tất cả các ngành, các cấp thực hiện ngay từ đầu năm; sau đó chuyển thành Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự tỉnh, nếu có sự biến động về nhân sự, thì kịp thời điều động bổ sung để đảm bảo luôn sẵn sàng trong công tác chỉ đạo, chỉ huy khi có thiên tai.

Khi thiên tai bão lũ xảy ra thì việc sử dụng các lực lượng sẵn có tại địa bàn để ứng cứu, hỗ trợ là nhanh nhất, hiệu quả nhất; các lực lượng này thường trực tại chỗ trước, trong và sau thiên tai, trực tiếp nhận lệnh từ người chỉ huy (chủ tịch UBND hoặc thủ trưởng đơn vị). Các cấp, các ngành từ tỉnh đến huyện, xã theo sự phân công, chỉ đạo đã thành lập và duy trì các lực lượng hiện có tại ngành và địa phương, luôn sẵn sàng đầy đủ nhân lực ứng phó với mọi tình huống khi xảy ra thiên tai, bao gồm các lực lượng chính như: quân đội, các đơn vị quân đội đóng quân trên địa bàn, lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai (nòng cốt là dân quân tự vệ), lực lượng công an, y tế... ngoài ra còn có lực lượng hỗ trợ của Quân khu 2 và các lực lượng khác.

Các loại vật tư, phương tiện chủ yếu phục vụ công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trong năm 2025 bao gồm 102 phương tiện vận tải đường bộ các loại; 14 xe chỉ huy; 46 tàu, thuyền các loại; 134 phao cứu sinh, 4.651 phao áo cứu sinh, 3.765 phao tròn cứu sinh, 88 phao bè cứu sinh; 282 nhà bạt các loại..., cùng nhiều loại vật tư, phương tiện khác. Ngoài ra, trong năm tỉnh Phú Thọ cũng đã tiếp nhận và phân bổ vật tư, thiết bị từ nguồn dự trữ Quốc gia phục vụ công tác ứng phó sự cố, thiên tai và TKCN gồm: 4.304 phao tròn cứu sinh; 7.600 phao áo cứu sinh; 10 nhà bạt loại nhẹ; 02 máy bơm chữa cháy; 01 thiết bị khoan cắt; 02 máy khoan phá bê tông; 100 chiếc bè cứu sinh.

Đối với công tác hậu cần tại chỗ: Các cấp chính quyền và địa phương đã chủ động chuẩn bị đầy đủ lương thực, thực phẩm, thuốc men để phục vụ công tác cứu hộ, cứu nạn, cứu đói khi có tình huống thiên tai xảy ra bao gồm các loại lương thực thiết yếu theo Kế hoạch do Sở Công thương ban hành, vật tư y tế theo Kế hoạch của Sở Y tế, trên nguyên tắc chung là đảm bảo an toàn trước cho người bị thương hay nhóm người dễ bị tổn thương như người già, phụ nữ có thai và trẻ em.

b) Công tác củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của đội xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã.

Ngay sau khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã ban hành Văn bản hướng dẫn các địa phương tổ chức thành lập, kiện toàn lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã; sẵn sàng tổ chức tham gia phòng ngừa, ứng phó khi có thiên tai xảy ra trên địa bàn.

Thực hiện Quyết định số 42/QĐ-BCĐ ngày 24/12/2025 của Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia về hướng dẫn hoạt động của lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã; ngày 07/01/2026, UBND tỉnh đã ban hành Văn bản số 259/UBND-NN8 chỉ đạo các sở, ban, ngành, các xã phường trên địa bàn tỉnh khẩn trương rà soát thành lập hoặc kiện toàn Đội xung kích phòng, chống thiên tai theo đúng hướng dẫn của Ban Chỉ đạo phòng thủ dân sự Quốc gia. Hiện nay, toàn tỉnh đã có 148 đội xung kích/148 xã, phường với tổng quân số 9.620 người (65 người/tổ trở lên); tuy nhiên, lực lượng xung kích hiện tại kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ, trang thiết bị và kinh phí còn thiếu và ít được đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực nên việc chủ động ứng phó với các tình huống thiên tai phát sinh nhanh, cục bộ còn gặp nhiều khó khăn.

2.1.8. Công tác kiện toàn tổ chức bộ máy, kết quả thu, chi Quỹ phòng, chống thiên tai theo quy định tại Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021.

- Trước khi sáp nhập: UBND tỉnh Phú Thọ cũ đã ban hành Quyết định sử dụng nguồn Quỹ PCTT tỉnh hỗ trợ cho Sở Nông nghiệp thực hiện các nhiệm vụ PCTT và Đài KTTV Bắc Bộ thực hiện quan trắc, dự báo khí tượng thủy văn; phê duyệt Quyết toán Quỹ phòng, chống thiên tai năm 2024 tỉnh Phú Thọ cũ.

- Sau khi sáp nhập: Tổ chức lại Quỹ phòng, chống thiên tai theo quy định; ban hành Quyết định quy định nội dung chi và mức chi, Quy chế tổ chức hoạt động Quỹ phòng, chống thiên tai. Phê duyệt Kế hoạch thu Quỹ, danh sách các đối tượng được miễn giảm tỉnh Phú Thọ năm 2025; tham mưu UBND tỉnh bổ nhiệm chức vụ Giám đốc, P. Giám đốc, Kế toán Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh; Ban hành các văn bản đôn đốc các địa phương nộp lại kinh phí sau Quyết toán năm 2024, xây dựng kế hoạch thu Quỹ năm 2025...

Kết quả thu, nộp Quỹ phòng, chống thiên tai của các xã, phường năm 2025: Tổng số Quỹ đã nộp về Quỹ phòng, chống thiên tai tính đến thời điểm hiện tại là 9.154,3/39.002,1 triệu đồng, đạt 23,5% kế hoạch giao nộp.

2.2. Kết quả công tác ứng phó:

2.2.1. Kết quả công tác dự báo, cảnh báo, thông tin, truyền tải các bản tin thiên tai.

- Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và TKCN tỉnh (nay là Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự) đã phối hợp chặt chẽ với Báo và Đài Phát thanh truyền hình tỉnh, các đơn vị thông tin, báo đài trong tỉnh truyền tải thông tin cảnh báo, dự báo kịp thời đến các địa phương và người dân trên địa bàn để chủ động ứng phó, nhằm giảm thiểu thấp nhất thiệt hại khi có thiên tai xảy ra, cụ thể như: Khi nhận được các tin cảnh báo, điện, công điện của Trung ương, của Đài khí tượng thủy văn; Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh đã cụ thể hóa và thông tin, để tham mưu ban hành các Công điện, Văn bản, thông báo kịp thời đến các địa phương, đơn vị trên địa bàn tỉnh và yêu cầu tổ chức thực hiện nghiêm túc. Khi có thiên tai xảy ra, Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự các cấp đã kịp thời thông tin, báo cáo tình hình thiệt hại, đặc biệt là các sự cố, để kịp thời chỉ đạo xử lý giờ đầu đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản của nhân dân.

- Trong năm 2025, công tác trực ban phòng, chống thiên tai luôn được đảm bảo theo quy định, thường xuyên theo dõi và kịp thời tiếp nhận các bản tin cảnh báo thiên tai, thời tiết của Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự Quốc gia, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Trung tâm dự báo KTTV Quốc gia; đồng thời phối hợp chặt chẽ với Đài Khí tượng thủy văn tỉnh Phú Thọ theo dõi tình hình KTTV trên phạm vi tỉnh, dự báo, cảnh báo kịp thời đầy đủ về diễn biến, cấp độ, phạm vi ảnh hưởng của thiên tai trên địa bàn tỉnh, bao gồm: các bản tin dự báo bão, ATNĐ; bản tin cảnh báo mưa lớn, định lượng mưa; bản tin gió mùa đông bắc và không khí lạnh; bản tin cảnh báo nắng nóng; bản tin giông, sét, tố lốc, mưa đá và mưa lớn cục bộ; bản tin cảnh báo lũ, ngập lụt; bản tin cảnh báo lũ quét, sạt lở đất và cập nhật các bản tin số liệu về mực nước, lượng mưa hàng ngày trong mùa mưa lũ; thực hiện tham mưu các Văn bản chỉ đạo ứng phó thiên tai kịp thời.

- Tiếp tục duy trì các ứng dụng, các hệ thống phần mềm để cập nhật các thông tin, dự báo, cảnh báo thời tiết, khí tượng thủy văn bao gồm: Hệ thống giám sát thiên tai quốc gia (<http://vndms.dmc.gov.vn>), hệ thống đo mưa tự động (<http://vrain.vn>), hệ thống theo dõi ảnh mây vệ tinh (hymetnet.gov.vn)...Đồng thời tiếp tục duy trì hiệu quả các nhóm zalo, facebook từ Trung ương đến cấp tỉnh, cấp xã để cập nhật thông tin, cũng như chỉ đạo điều hành để công tác ứng phó thiên tai được kịp thời, nhanh chóng.

2.2.2. Công tác chỉ đạo ứng phó, tìm kiếm cứu nạn

Ngay sau khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp (từ ngày 01/7/2025) liên tiếp trên địa bàn tỉnh đã chịu ảnh hưởng hoàn lưu các cơn bão số 3 (Winpha) ước thiệt hại 51 tỷ đồng, bão số 5 (Kajiki) ước thiệt hại 236 tỷ đồng, bão số 10 (Bualoi) ước thiệt hại 1.202 tỷ đồng và bão số 11 (Matmo) ước thiệt hại 25 tỷ đồng; kết quả công tác chỉ đạo, triển khai ứng phó cụ thể như sau:

- Ngay trước khi có thông tin các cơn bão ảnh hưởng đến địa bàn tỉnh; Ban thường vụ Tỉnh ủy Phú Thọ có công văn số 78-CV/TU ngày 19/7/2025 về việc triển khai ứng phó cơn bão số 3 năm 2025, cơn bão Wipha; Thường trực Tỉnh ủy có Văn bản số 338-CV/TU ngày 24/08/2025 về việc triển khai thực hiện Công văn số 70-CV/TW ngày 23/8/2025 của Ban Bí thư về ứng phó với cơn bão số 5 (KAJIKI); Tỉnh ủy Phú Thọ đã có Văn bản số 576-CV/TU ngày 29/9/2025 chỉ đạo Đảng ủy UBND tỉnh, Đảng ủy các xã, phường triển khai ứng phó với bão số 10.

- UBND tỉnh Phú Thọ đã ban hành 04 Công điện để ứng phó, khắc phục hậu quả Bão số 3 (số 01/CĐ-CT ngày 17/7/2025; số 02/CĐ-CT ngày 19/7/2025; số 03/CĐ-CT ngày 21/7/2025; số 04/CĐ-CT ngày 24/7/2025); 04 Công điện ứng phó, khắc phục hậu quả Bão số 5, số 10 (số 05/CĐ-UBND ngày 28/9/2025; số 06/CĐ-UBND ngày 29/9/2025; số 07/CĐ-UBND ngày 30/9/2025; số 08/CĐ-UBND ngày 02/10/2025; số 09/CĐ-UBND ngày 03/10/2025); 03 Công điện ứng phó khắc phục thiệt hại Bão số 11 (số 11/CĐ-UBND ngày 04/10/2025; số 12/CĐ-UBND ngày 06/10/2025; số 13/CĐ-UBND ngày 07/10/2025).

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 844/KH-UBND ngày 22/7/2025 kiểm tra công tác ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai trước, trong và sau Bão số 3 tại các địa phương. Ban hành các Văn bản chỉ đạo các sở, ngành, địa phương chủ động ứng phó với mưa lớn, lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất; các Văn bản tập trung ứng phó, khắc phục hậu quả mưa lũ sau bão...

- Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự - Phòng, chống thiên tai và TKCN tỉnh (nay là Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự) tham dự cuộc họp trực tuyến của Chính phủ chỉ

đạo ứng phó bão số 3 (vào 10h ngày 20/7/2025); tham dự cuộc họp trực tuyến của Ban Chỉ đạo phòng thủ dân sự quốc gia (14h ngày 24/7/2025); tham dự cuộc họp trực tuyến của Chính phủ chỉ đạo ứng phó bão số 11 (15h30 ngày 03/10/2025). Ngay sau các cuộc họp, lãnh đạo UBND tỉnh, lãnh đạo Ban chỉ huy phòng thủ dân sự tỉnh, lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường; Tổ thường trực ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tại khu vực Hòa Bình đã xuống hiện trường kiểm tra tại các khu vực xung yếu, chỉ đạo các địa phương sẵn sàng ứng phó với các tình huống thiên tai có thể xảy ra. Đồng thời chỉ đạo Văn phòng thường trực truyền đạt các ý kiến chỉ đạo và thông báo cho toàn bộ Chủ tịch UBND của 148 xã, phường trên địa bàn tỉnh sẵn sàng chủ động mọi phương án ứng phó, khắc phục thiệt hại do mưa bão gây ra.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường ban hành các lệnh báo động lũ trên các sông sông Bôi, sông Bứa, sông Bùi, sông Phó Đáy, sông Thao, sông Lô; lệnh xả tràn các hồ chứa trên địa bàn khu vực Vĩnh Phúc. Ban hành các Công điện đảm bảo an toàn hạ du khi xả lũ hồ thủy điện Hòa Bình, Tuyên Quang, Thác Bà. Tổng hợp thống kê, báo cáo nhanh và báo cáo chính thức kịp thời tình hình thiệt hại qua các đợt thiên tai, mưa lũ (28 báo cáo thiệt hại các đợt thiên tai). Đồng thời chỉ đạo các đơn vị liên quan thường xuyên cập nhật các bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai, chuyển tải kịp thời đến các Sở, ngành địa phương để chủ động phương án phòng, tránh. Tham mưu, đề xuất giải quyết đề nghị của 28 xã, phường bị ảnh hưởng của thiên tai trên địa bàn tỉnh.

- Lực lượng vũ trang tỉnh bao gồm Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh và Công an tỉnh đã huy động trên 15.000 lượt cán bộ, chiến sĩ (*Công an tỉnh 9.000 lượt cán bộ, chiến sĩ; Bộ CHQS tỉnh 6.142 lượt cán bộ, chiến sĩ*) và trên 800 lượt phương tiện (*Công an tỉnh 500 lượt phương tiện; Bộ CHQS tỉnh trên 300 lượt phương tiện*) phối hợp với các lực lượng khác tham gia khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn, cụ thể: Tìm thấy 05 người mất tích, đưa đi cấp cứu 03 người bị thương; cứu nạn 03 người bị mắc kẹt giữa dòng nước lũ, 02 người bị cô lập; 03 người bị vùi lấp do sạt lở đá, trục vớt 01 thuyền bị chìm; dựng 22 nhà bạt; Giúp 48 Trường học, trụ sở, nhà văn hóa tổng dọn vệ sinh, hót bùn đất; phối hợp với nhân dân trục vớt: 02 xe máy, 01 xe điện bị lũ cuốn; phối hợp với nhân dân sửa chữa lưu thông được 14,650 km, 1.265m³ bùn đất, đường dân sinh, liên thôn, liên xã và đường tỉnh lộ...

- Sở Xây dựng kịp thời chỉ đạo các đơn vị quản lý đường bộ và các đơn vị liên quan huy động nhân lực cùng với phương tiện máy móc, thiết bị xử lý sự cố thiên tai, sửa chữa công trình đường bộ bị hư hỏng; chủ trì, phối hợp với các cơ quan đơn vị liên quan thực hiện sửa chữa hư hỏng cầu Sông Lô (*bằng nguồn vốn của đơn vị thi công công trình cầu sông Lô*); bố trí thường trực để theo dõi diễn biến hư hỏng tại các vị trí xảy ra sự cố thiên tai; tổ chức hướng dẫn, điều tiết, phân luồng giao thông cho người và các phương tiện lưu thông.

- Các sở, ban, ngành cùng các địa phương theo chức năng, nhiệm vụ đã khẩn trương kiện toàn, phân công nhiệm vụ các thành viên Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự; rà soát, điều chỉnh phương án và kế hoạch phòng, chống thiên tai trên cơ sở phương án và kế hoạch phòng, chống thiên tai đã xây dựng trước đây; kịp thời triển khai các biện pháp chuẩn bị và ứng phó với các cơn bão.

Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành các Văn bản chỉ đạo các trường học ứng phó khi có mưa lũ, đặc biệt là trong thời gian mưa bão, đồng thời chỉ đạo thời gian cho học sinh nghỉ học và đi học trở lại trong và sau khi mưa lũ. Sở Công thương

chỉ đạo Công ty Điện lực tổ chức kiểm tra khắc phục ngay hệ thống các trạm biến áp, đường dây điện bị hư hỏng để đóng điện trở lại phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất kinh doanh; các Công ty TNHH Nhà nước một thành viên khai thác công trình thủy lợi chỉ đạo các đơn vị kiểm tra mực nước nội đồng, bơm tiêu nước đê, bơm thường xuyên theo quy trình vận hành với phương châm lúa và hoa màu nếu ngập úng thì ở mức thấp nhất...

- Ngay khi có thiên tai, hệ thống Hội chữ thập đỏ từ tỉnh đến cơ sở đã kích hoạt các đội xung kích, triển khai hỗ trợ theo phương châm “kịp thời – đúng lúc – đúng đối tượng”. Hơn 400 cán bộ, hội viên và tình nguyện viên được huy động, chia thành nhiều mũi tại các điểm xung yếu để sơ tán, vận chuyển nhu yếu phẩm, tìm kiếm người bị nạn...

- Các xã, phường đã chủ động tổ chức triển khai ứng phó mưa lũ, huy động vật tư, phương tiện, nhân lực; triển khai xử lý các sự cố từ giờ đầu, đặc biệt là công tác chống tràn đê, xử lý sự cố cống khi nước sông dâng cao; thực hiện công tác sơ tán dân những khu vực có nguy cơ bị ngập lụt, sạt lở; chuẩn bị sẵn sàng các phương án ứng phó theo diễn biến mưa lũ; báo cáo thường xuyên về Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh.

2.3. Triển khai khắc phục hậu quả, phục hồi tái thiết sau thiên tai

2.3.1. Công tác khắc phục sự cố công trình

Việc xử lý, khắc phục sự cố của các công trình giao thông, xây dựng, thủy lợi, công trình công cộng được thực hiện khẩn trương, kịp thời, trong đó ưu tiên và tập trung sửa chữa, khắc phục các công trình phòng, chống thiên tai, trường học, trạm y tế, thông tuyến các vị trí đường giao thông bị ảnh hưởng do mưa lũ, cụ thể:

- Tiếp tục thực hiện các dự án duy tu, bảo dưỡng đê điều, tăng cường công tác quản lý đê điều, hộ đê; củng cố, nâng cấp hoàn thiện hệ thống đê sông đảm bảo chống lũ; xây dựng, củng cố công trình phòng, chống sạt lở bờ sông tại những khu vực trọng điểm và khu vực có nguy cơ sạt lở; các dự án bố trí, tái định cư vùng thiên tai. Củng cố, nâng cấp hệ thống thủy lợi, an toàn đập, hồ chứa nước, chống ngập lụt, chống hạn và phục vụ cấp nước.

- Trong năm, đã thực hiện 13 công trình duy tu, bảo dưỡng, khắc phục sự cố đê điều, thủy lợi (03 công trình vốn sự nghiệp do Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý; 10 công trình vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh⁽⁵⁾).

- Ban hành 06 Quyết định công bố tình huống khẩn cấp thiên tai trên địa bàn tỉnh bao gồm: Quyết định công bố tình huống khẩn cấp về thiên tai (do sạt lở, sụt lún đất đá) trên địa bàn xã Trung Sơn; Công bố tình huống khẩn cấp về thiên tai và lệnh xây dựng công trình khẩn cấp khắc phục sự cố sạt lở, vỡ sông đê hữu sông Thao đoạn km73+100 – km73+300 xã Tam Nông; Công bố tình huống khẩn cấp và ban hành Lệnh xây dựng khẩn cấp về thiên tai đối với sự cố sạt lở bờ, vỡ sông đê hữu sông Thao đoạn Km53-K54+300, xã Hiền Quan và đoạn Km71,3-Km72,3 xã

⁵ I. Vốn sự nghiệp do Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý: (1) Duy tu, bảo dưỡng đê điều năm 2025, tỉnh Phú Thọ; (2) Duy tu, bảo dưỡng đê điều năm 2025, tỉnh Vĩnh Phúc; (3) Duy tu bảo dưỡng đê điều năm 2025, tỉnh Phú Thọ (thuộc địa bàn tỉnh Hòa Bình cũ).

2. Vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh: (1) Tu bổ, sửa chữa khắc phục sự cố đê điều và các công trình thủy lợi do cơn bão số 3 Yagi năm 2024 gây ra; (2) Duy tu, bảo dưỡng đê điều năm 2025; (3) Duy tu, sửa chữa thường xuyên các công trình thủy lợi năm 2025; (4) Bảo trì, sửa chữa, các công trình trên kênh, nạo vét lòng kênh 6A huyện Vĩnh Tường; (5) Bảo trì, sửa chữa mái kênh, các công trình trên kênh, nạo vét lòng kênh chính Tả Ngạn đoạn từ K20+300 - K49+713; (6) Bảo trì, sửa chữa kênh Suối Sỏi đi Nhân Đạo đoạn K0+00 đến K2+500; (7) Bảo trì, sửa chữa các tuyến kênh N1, N2, N2-1, N3-3 hồ Xạ Hương; (7) Sửa chữa kè Tứ Yên (tương ứng từ K20+700 - K21+200); (8) Bảo trì, sửa chữa kênh chính hồ Suối Sỏi đoạn K0+00 đến K2+800; (9) Sửa chữa kênh N2, kênh N12 hồ Vĩnh Thành, kênh chính trạm bơm Đồng Chùa;

Tam Nông; Quyết định công bố tình huống khẩn cấp về thiên tai và Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai, đảm bảo giao thông trên một số tuyến đường do Sở Xây dựng quản lý bị ảnh hưởng bởi bão số 10, số 11; Công bố tình huống khẩn cấp và ban hành Lệnh xây dựng khẩn cấp về thiên tai đối với sự cố sạt lở, nứt đê, sụt lún chân đê Cà Lồ - Nam Viêm, phường Phúc Yên; Công bố tình huống khẩn cấp và ban hành Lệnh xây dựng khẩn cấp về thiên tai đối với sự cố sạt lở bờ, vỡ sông đoạn Km36-Km36+200 đê hữu Lô, xã Dân Chủ, tỉnh Phú Thọ.

- Đối với các công trình giao thông và công trình điện bị sự cố trong thiên tai đã được Sở Xây dựng và Sở Công Thương, Công ty Điện lực chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị liên quan kịp thời khắc phục các sự cố đảm bảo nhanh chóng thông xe và sửa chữa hệ thống đường dây điện bị hư hỏng; Sở Khoa học và Công nghệ kịp thời khắc phục, sửa chữa, nâng cấp thay thế các trạm BTS bị ảnh hưởng của mưa bão, sửa chữa các tuyến cáp truyền dẫn hư hỏng, kịp thời thay thế các thiết bị đầu cuối đảm bảo thông tin không bị gián đoạn...

2.3.2. Công tác khắc phục hậu quả, phục hồi tái thiết sau thiên tai

- Công tác khắc phục hậu quả thiên tai thực hiện theo phương châm “Xây dựng lại tốt hơn”, đảm bảo phù hợp với quy hoạch và ổn định đời sống cũng như sản xuất của nhân dân. Công tác huy động nguồn lực khắc phục hậu quả được thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả đảm bảo hỗ trợ đúng đối tượng bao gồm các cá nhân, hộ gia đình, các tổ chức cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh theo quy định của Chính phủ và của UBND tỉnh đã ban hành.

- Ngay khi mưa bão xảy ra, lãnh đạo Tỉnh ủy, lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh, lãnh đạo Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự tỉnh và Sở Nông nghiệp và Môi trường đã xuống hiện trường kiểm tra, chỉ đạo và hướng dẫn các địa phương, đơn vị ứng phó khắc phục các thiệt hại do mưa bão gây ra; đặc biệt là các sự cố sạt lở đất, sự cô về đê điều, hồ đập do mưa lớn trong thời gian qua. Đồng thời phối hợp tất cả các cấp, các ngành huy động các lực lượng công an, quân đội, các lực lượng xung kích, tổ chức đoàn thể, người dân tổ chức vệ sinh trường học, trụ sở cơ quan, cơ sở y tế; giúp người dân dọn dẹp nhà cửa, hỗ trợ lương thực, thực phẩm, nước uống...; triển khai các biện pháp khử trùng, tiêu độc, vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh ở các khu vực bị ngập lụt; tập trung chỉ đạo khôi phục cơ sở hạ tầng bị hư hỏng, đặc biệt là các trạm y tế, bệnh viện, trường học, công trình giao thông, thủy lợi, điện để bảo đảm điều kiện sinh hoạt cho người dân; hỗ trợ đưa người dân trở về nơi ở cũ để sớm ổn định cuộc sống; thăm hỏi, động viên và hỗ trợ kịp thời gia đình bị thiệt hại về người, phối hợp với gia đình tổ chức tang lễ.

- Để khắc phục hậu quả thiên tai trong năm qua; UBND tỉnh ban hành Quyết định cấp hỗ trợ 140 tỉ đồng từ ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh và Quỹ phòng, chống thiên tai để khắc phục các sự cố. Đồng thời đề xuất Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương xem xét hỗ trợ cho tỉnh Phú Thọ 1.100 tỉ đồng để triển khai đầu tư 17 dự án xử lý khẩn cấp các sự cố công trình và tái định cư di dân ra khỏi vùng có nguy cơ sạt lở, lũ ống, lũ quét; 51,6 tỉ đồng để triển khai kịp thời các biện pháp khôi phục sản xuất nông nghiệp, ổn định đời sống người dân. Ngoài ra còn nhiều đơn vị và các tổ chức tham gia hỗ trợ, ủng hộ về tiền, nhu yếu phẩm cho các khu vực bị thiệt hại do thiên tai gây ra⁽⁶⁾.

⁶ - Thanh tra tỉnh tổ chức các đoàn thăm hỏi, hỗ trợ 92 hộ gia đình bị thiệt hại trên địa bàn các xã: Tân Pheo, Tiền Phong, Xuân Đài, Lai Đồng, Minh Đài, Long Cốc với tổng giá trị 100 triệu đồng;

- Hội chữ thập đỏ tỉnh vận động nguồn lực hỗ trợ kịp thời 14.990 lượt người bị ảnh hưởng bởi thiên tai với giá trị hơn 7,7 tỷ đồng.

- Ban vận động cứu trợ tỉnh và UBND các xã, phường đã hỗ trợ kinh phí cho 23 hộ dân có nhà ở bị sập đổ, cuốn trôi và 39 hộ dân có nhà bị hư hỏng nặng. Đồng thời Ban vận động cứu trợ tỉnh cũng hỗ trợ cho các địa phương khắc phục nhiều công trình bị hư hỏng năm 2025.

3. Những thuận lợi

- Trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, công tác chỉ đạo, ứng phó, khắc phục thiệt hại được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, cùng sự nỗ lực của tất cả các cấp, các ngành, các địa phương đã giúp chủ động trong công tác ứng phó, giảm thiệt hại đến mức thấp nhất, nhanh chóng khắc phục hậu quả, ổn định đời sống nhân dân.

- Mặc dù chính quyền địa phương 02 mới đi vào hoạt động từ 01/7; tuy nhiên, hệ thống văn bản chỉ đạo, các Chỉ thị, Công điện, Lệnh của tỉnh được ban hành kịp thời, rõ ràng, giúp các sở, ngành, địa phương chủ động triển khai. Bộ máy Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự từ tỉnh đến cơ sở được kiện toàn, có sự phối hợp liên vùng chặt chẽ.

- Thông tin dự báo bão, mưa lớn, thiên tai được cung cấp kịp thời, rõ ràng theo từng vùng miền giúp các sở, ngành, địa phương, nhân dân chủ động triển khai công tác phòng tránh, ứng phó. Mạng viễn thông ổn định, hệ thống truyền thanh cơ sở, mạng xã hội, ứng dụng cảnh báo thiên tai đã hỗ trợ nâng cao khả năng tiếp cận thông tin của người dân.

- Tỉnh mới sau sáp nhập đã kế thừa hệ thống đê điều, hồ đập, kè công của 3 tỉnh cũ, tạo nên mạng lưới công trình phòng, chống thiên tai khá hoàn chỉnh; nhiều tuyến đê chính được kiên cố hóa, có khả năng chống chịu tốt với mưa bão lớn.

4. Những tồn tại khó khăn, hạn chế

- Phú Thọ là tỉnh có địa hình bị chia cắt bởi nhiều sông, suối; nhiều khu vực đồi núi, vùng sâu, vùng xa, dễ bị chia cắt khi có mưa lũ xảy ra gây khó khăn cho công tác ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai. Tình hình sạt lở, sụt lún diễn biến ngày càng phức tạp, trong khi đó cơ sở hạ tầng phục vụ cho công tác phòng, chống thiên tai của tỉnh còn thiếu đồng bộ; nhiều hồ đập xuống cấp chưa có kinh phí để cải tạo, sửa chữa; một số tuyến đê chưa đảm bảo cao trình chống lũ thiết kế; một số vị trí sạt lở bờ, vỡ sông nguy hiểm chưa được xử lý triệt để.

- Một số địa phương vẫn còn chủ quan; sự phối hợp của các tổ chức, cá nhân trong công tác ứng phó, khắc phục thiên tai ở một số địa phương chưa thực sự tốt, còn trông chờ vào các cơ quan cấp trên.

- Do địa bàn tỉnh rộng, bao gồm cả khu vực đồng bằng, trung du và miền núi; nên khi xảy ra thiên tai thường bị tác động bởi nhiều loại hình thiên tai như lũ ống, lũ quét, sạt lở đất ở khu vực miền núi; ngập úng, sự cố đê điều ở khu vực đồng bằng, trung du... nên công tác chỉ đạo ứng phó, khắc phục gặp nhiều khó khăn nếu không có các biện pháp điều phối, huy động kịp thời.

- Địa bàn tỉnh bao gồm 148 xã, phường; các xã, phường mới được thành lập, cán bộ làm công tác phòng, chống thiên tai phần lớn chưa được đào tạo, tập huấn nên công tác tham mưu chỉ đạo ứng phó nhiều nơi còn lúng túng; một số cán bộ còn hạn chế về kinh nghiệm chỉ đạo, điều hành, nhiều địa phương còn thiếu cán bộ, thiếu trang thiết bị, lực lượng tại chỗ mỏng nên công tác chỉ đạo ứng phó gặp nhiều khó khăn.

- Nguồn kinh phí dự phòng ở địa phương còn hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu thực tế dẫn đến khó khăn trong việc huy động nguồn lực để khắc phục nhanh các sự cố, thiệt hại.

- Việc thành lập Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự thay cho Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai sau khi Nghị định số 200/2025/NĐ-CP ngày 09/7/2025 có hiệu lực; nhưng không có sự phân công rõ ràng trong nhiệm vụ phòng, chống thiên tai. Hiện tại, Sở Nông nghiệp và Môi trường không còn là Cơ quan thường trực phòng, chống thiên tai; Chi cục Thủy lợi và Tài nguyên nước không còn là Văn phòng thường trực về phòng, chống thiên tai; tuy nhiên, đầu mối để thực hiện các nhiệm vụ Sở Nông nghiệp và Môi trường vẫn đang triển khai thực hiện.

5. Bài học kinh nghiệm

- Công tác phòng, chống thiên tai phải liên tục đảm bảo từ sớm, từ xa, phòng từ khi chưa có nguy cơ; phải luôn rà soát, phát hiện các khâu cần quan tâm củng cố; đề cao tinh thần cảnh giác, không chủ quan; không mất bình tĩnh trước các tình huống; quán triệt và tổ chức phòng, chống, ứng phó thiên tai theo phương châm “4 tại chỗ”, “đặt sức khỏe, tính mạng của người dân lên trước hết, trên hết”.

- Phải nâng cao năng lực ứng phó ở cơ sở: cấp xã, thôn, bản phải là lực lượng nòng cốt để chỉ đạo, ứng phó ngay từ giờ đầu; cần tăng cường tập huấn, diễn tập để cán bộ cơ sở, đặc biệt là các xã mới thành lập, không lúng túng khi có tình huống xảy ra.

- Cần huy động được sự vào cuộc của toàn hệ thống chính trị, các tầng lớp nhân dân, doanh nghiệp; đề cao yếu tố tinh thần, phát huy truyền thống đoàn kết, thống nhất, huy động sức mạnh tổng hợp vượt qua khó khăn, thách thức. Việc khắc phục thiệt hại phải đồng bộ cả khẩn cấp, trước mắt cũng như tổng thể, lâu dài, có giải pháp ngắn hạn và dài hạn, bố trí nguồn lực phù hợp để triển khai thực hiện.

- Cần rà soát, quy hoạch lại cơ cấu cây trồng, vật nuôi, mùa vụ cho phù hợp với tình hình thực tế tại các địa phương; rà soát hệ thống cơ sở hạ tầng, công trình đê điều, thủy lợi để bố trí kinh phí đầu tư phù hợp nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu và tình hình thiên tai để giảm thiệt hại.

- Cần xây dựng kịch bản ứng phó riêng cho từng tiểu vùng, vì tính chất và tác động của mưa lũ là khác nhau như: vùng miền núi chú trọng lũ quét, sạt lở đất, vùng trung du cảnh báo ngập úng, sạt đồi, taluy; vùng đồng bằng tập trung an toàn đê điều và tiêu thoát lũ...

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, đa dạng hóa bằng nhiều hình thức (*loa truyền thanh, điện thoại, mạng xã hội, ứng dụng cảnh báo thiên tai*) để người dân, nhất là vùng sâu vùng xa, tiếp cận nhanh nhất. Nâng cao ý thức, kỹ năng phòng tránh thiên tai cho cộng đồng để người dân tự bảo vệ mình và hỗ trợ lẫn nhau.

II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2026

1. Tiếp tục thực hiện nghiêm: Chỉ đạo của Thường trực Ban Bí thư tại Công văn số 65-CV/TW ngày 13/6/2025 về chủ động phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai; Kết luận số 213-KL/TW ngày 21/11/2025 về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục

hậu quả thiên tai; Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ; Chiến lược quốc gia phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch phòng, chống thiên tai quốc gia; Chương trình tổng thể phòng, chống thiên tai quốc gia.

2. Tiếp tục củng cố, kiện toàn, phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự ở các ngành, các cấp, cơ quan đơn vị theo phương châm “rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thời gian hoàn thành và rõ thẩm quyền” gắn với trách nhiệm của người đứng đầu; đảm bảo hoạt động hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với quy định hiện hành.

3. Nâng cao nhận thức cộng đồng, tăng cường công tác thông tin, truyền thông, phổ biến kiến thức phòng, chống thiên tai; tập huấn công tác phòng, chống thiên tai cho lực lượng làm công tác phòng, chống thiên tai các cấp, đặc biệt là sự phối hợp giữa lực lượng quân đội, công an khi không còn công an cấp huyện, không còn Ban chỉ huy quân sự cấp huyện.

4. Nâng cao chất lượng dự báo, cảnh báo thiên tai, cung cấp kịp thời chính xác số liệu khí tượng thủy văn theo thời gian thực, đảm bảo sát với từng khu vực, vùng miền để nâng cao công tác chỉ đạo, ứng phó khi có thiên tai.

5. Xây dựng Kế hoạch Phòng, chống thiên tai giai đoạn 2026-2030 tỉnh Phú Thọ; tiếp tục rà soát, cập nhật các kế hoạch, phương án ứng phó thiên tai, chú trọng công tác chuẩn bị ứng phó khi có mưa lũ theo phương châm “4 tại chỗ” phù hợp với các loại hình thiên tai xảy ra tại địa phương. UBND các xã, phường thành lập, củng cố, xây dựng đội xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã.

6. Tổ chức đánh giá công tác bảo đảm an toàn công trình đê điều, thủy lợi trên địa bàn; đối với những sự cố công trình đã xảy ra trong các đợt mưa lũ (nhất là các sự cố xảy ra trong đợt mưa bão số 3 năm 2024 và các đợt mưa bão trong năm 2025) cần đặc biệt quan tâm và tập trung nhân lực, nguồn lực để hoàn thành việc xử lý; triển khai thực hiện phương án bảo vệ trọng điểm đê điều xung yếu và tổ chức bảo vệ đê điều theo chính quyền địa phương 2 cấp.

7. Thực hiện tốt công tác chỉ đạo, chỉ huy triển khai các biện pháp ứng phó khi xảy ra các trận thiên tai lớn trên địa bàn tỉnh.

8. Tổ chức xử lý vi phạm pháp luật về đê điều, thủy lợi, ngăn chặn kịp thời, xử lý dứt điểm các vi phạm tập kết vật liệu với quy mô lớn trên bãi sông, xây dựng công trình, nhà xưởng trái phép trên bãi sông và lấn chiếm lòng sông gây cản trở thoát lũ; các hành vi lấn chiếm, vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều.

9. Thường xuyên tổ chức kiểm tra các tuyến đường giao thông xung yếu, thường xuyên bị ngập, sạt lở... để có phương án bảo đảm giao thông thông suốt khi có sự cố thiên tai; chuẩn bị sẵn sàng lực lượng, vật tư, phương tiện khắc phục ngay khi có sự cố trong thời gian nhanh nhất. Rà soát hệ thống tiêu thoát nước đô thị; xây dựng phương án, giải pháp phù hợp để khắc phục nhanh tình trạng ngập úng cục bộ khi có mưa lớn.

10. Tổ chức triển khai hiệu quả hoạt động của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh theo các quy định của Chính phủ và của UBND tỉnh đã ban hành.

11. Các Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi, các địa phương làm tốt công tác nạo vét, khơi thông các luồng tiêu, trục tiêu, công trình tiêu...

đảm bảo thông thoáng, sẵn sàng cho công tác tiêu úng, đảm bảo an toàn trong mùa mưa lũ.

12. Tổ chức thường trực, trực ban về phòng, chống thiên tai các cấp; thực hiện chế độ báo cáo thường xuyên, báo cáo đột xuất về Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự tỉnh theo đúng quy định. Huy động và triển khai nguồn lực để khắc phục hậu quả thiên tai.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ.

1. Đề nghị Chính phủ, các Bộ ngành tiếp tục đầu tư, cấp phát các trang thiết bị thiết yếu cho công tác ứng phó sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; tăng cường hỗ trợ các hoạt động tập huấn, nâng cao năng lực về công tác chỉ đạo, điều hành ứng phó thiên tai, công tác xử lý sự cố giờ đầu, xây dựng phương án ứng phó thiên tai...cho các cán bộ thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai các cấp (*đặc biệt là cấp xã*).

2. Đề nghị Bộ Tài chính xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ hỗ trợ 1.151,7 tỷ đồng để tỉnh triển khai kịp thời các biện pháp khắc phục, sửa chữa công trình và khôi phục sản xuất nông nghiệp, ổn định đời sống người dân (*theo báo cáo số 10519/UBND-NN8 ngày 03/12/2025 của UBND tỉnh Phú Thọ*); trong đó:

- Hỗ trợ kinh phí khôi phục sản xuất nông nghiệp: 51,7 tỷ đồng;
- Hỗ trợ xử lý khẩn cấp khắc phục cơ sở hạ tầng, di dân tái định cư: 1.100 tỷ đồng.

Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT TU, TTHĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Quản lý đề điều và PCTT;
- Ban Chỉ huy PTDS tỉnh;
- Bộ CHQS tỉnh, Công an tỉnh;
- Sở Nông Nghiệp và Môi trường;
- CV: NN9, NN10;
- Lưu: VT, NN8 (HQ).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đinh Công Sứ

Phụ lục 1: Tổng lượng mưa các trạm đo trên địa bàn tỉnh năm 2025

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng năm 2026 của
UBND tỉnh Phú Thọ)

STT	Tên trạm	Phường/xã	Tổng
1	Vạn Mai	Xã Mai Hạ	4.407
2	BQL Ngọc Sơn	Xã Ngọc Sơn	3.417
3	Phú Cường	Xã Mường Bi	3.160
4	Lũng Vân	Xã Vân Sơn	3.145
5	Tam Đảo	Xã Tam Đảo	3.100
6	Tân Pheo	Xã Tân Pheo	3.100
7	Pù Pin 2	Xã Mai Châu	3.051
8	Xuân Đài 2	Xã Xuân Đài	3.040
9	Hương Nhượng 2	Xã Ngọc Sơn	3.021
10	Quyết Chiến	Xã Vân Sơn	2.985
11	Kim Tiến	Xã Kim Bôi	2.985
12	Kim Sơn 2 (Hợp Kim)	Xã Hợp Kim	2.962
13	Lũng Vân	Xã Vân Sơn	2.957
14	Phong Phú	Xã Mường Bi	2.930
15	Cao Sơn (Hào Lý)	Xã Đà Bắc	2.919
16	Đoàn Kết	Xã Yên Trị	2.866
17	Yên Trị	Xã Yên Trị	2.858
18	Hồ Cạn Thượng	Xã Cao Phong	2.852
19	Lạc Sơn	Xã Lạc Sơn	2.831
20	Ngọc Sơn	Xã Ngọc Sơn	2.823
21	Đoàn Kết	Xã Quy Đức	2.820
22	Kim Bình	Xã Kim Bôi	2.809
23	Do Nhân	Xã Toàn Thắng	2.803
24	Yên Thủy	Xã Yên Thủy	2.778
25	Yên Thượng	Xã Mường Thàng	2.762
26	Hang Kia	Xã Pà Cò	2.759
27	Cao Dương	Xã Cao Dương	2.757
28	Thanh Hối	Xã Tân Lạc	2.756
29	Kim Bôi	Xã Kim Bôi	2.751
30	Tu Lý	Xã Đà Bắc	2.746
31	Thủy điện So Lo 1	Xã Tân Mai	2.743
32	Xuân Sơn	Xã Xuân Đài	2.742
33	Hạ Hoà	Xã Hạ Hòa	2.740
34	Tam Thanh	Xã Long Cốc	2.734
35	Ngọc Lâu	Xã Ngọc Sơn	2.710
36	Nam Phong	Xã Mường Thàng	2.710
37	Cư Yên	Xã Liên Sơn	2.705
38	Kim Sơn 1	Xã Hợp Kim	2.701
39	Thượng Tiến 1	Xã Mường Động	2.697

40	Hồ Trọng	Xã Mường Bi	2.695
41	Tiến Sơn	Xã Liên Sơn	2.685
42	Mường Khén	Xã Tân Lạc	2.678
43	Yên Trị (Phú Lai)	Xã Yên Thủy	2.677
44	Tử Lê	Xã Tân Lạc	2.676
45	Hữu Lợi	Xã Yên Trị	2.675
46	Xuân Đài 1	Xã Xuân Đài	2.669
47	Bảo Hiệu	Xã Lạc Lương	2.668
48	An Bình	Xã An Bình	2.658
49	Cao Sơn	Xã Cao Sơn	2.651
50	Phú Vinh	Xã Mường Hoa	2.650
51	Mỹ Hòa	Xã Mường Bi	2.648
52	Đa Phúc	Xã Lạc Lương	2.641
53	Tây Phong	Xã Mường Thàng	2.635
54	Vĩnh Đồng	Xã Kim Bôi	2.633
55	Tân Minh	Xã Cao Sơn	2.624
56	Thanh Lương	Xã Cao Dương	2.615
57	Lâm Sơn	Xã Lương Sơn	2.603
58	Bình Sơn 2	Xã Nậm Sơn	2.601
59	Đông Bắc	Xã Mường Động	2.600
60	Xuân Phong 1	Xã Cao Phong	2.590
61	Đại Phạm	Xã Đan Thượng	2.589
62	Xuân Phong	Xã Cao Phong	2.588
63	Yên Lập	Xã Mường Thàng	2.586
64	Pà Cò	Xã Pà Cò	2.572
65	Tiền Phong 2	Xã Tiền Phong	2.572
66	Lạc Lương	Xã Lạc Lương	2.571
67	Nuông Dăm (Cuối Hạ)	Xã Dũng Tiến	2.562
68	Phú Tiến (Quang Tiến)	Xã Thịnh Minh	2.558
69	Trung Hòa	Xã Mường Hoa	2.557
70	Bình Càng	Xã Lạc Sơn	2.555
71	Lương Nha	Xã Yên Sơn	2.554
72	Mỹ Lương	Xã Sơn Lương	2.541
73	Cao Răm	Xã Liên Sơn	2.527
74	Nam Phong (Thu Phong)	Xã Cao Phong	2.518
75	Phúc Khánh	Xã Thượng Long	2.517
76	Mĩ Hòa	Xã Dũng Tiến	2.513
77	Hòa Sơn	Xã Lương Sơn	2.512
78	Tuân Lộ	Xã Toàn Thắng	2.508
79	Độc Lập	Phường Kỳ Sơn	2.505
80	Hợp Thịnh	Xã Thịnh Minh	2.505
81	Đông Cửu 1	Xã Khả Cửu	2.503
82	Dân Hòa 3	Phường Kỳ Sơn	2.495
83	Ban Hàng Đồi	Xã An Nghĩa	2.492
84	Hung Thi	Xã An Bình	2.477

85	Cao Phong	Xã Cao Phong	2.470
86	Chi Nê	Xã Lạc Thủy	2.468
87	Ba Khan	Xã Tân Mai	2.467
88	Chí Đạo	Xã Quyết Thắng	2.457
89	Thanh Thủy (La Phù)	Xã Thanh Thủy	2.449
90	Mai Châu	Xã Mai Châu	2.449
91	Minh Đài	Xã Minh Đài	2.448
92	Trung Thành	Xã Quy Đức	2.440
93	Cao Răm	Xã Liên Sơn	2.438
94	Ngòi Hoa 2	Xã Mường Hoa	2.432
95	Tân Lạc	Xã Tân Lạc	2.430
96	Kỳ Sơn	Phường Kỳ Sơn	2.429
97	Đồng Môn	Xã An Bình	2.428
98	Nuông Dăm	Xã Dũng Tiến	2.426
99	Hợp Thanh	Xã Cao Dương	2.425
100	Hòa Bình	Phường Hòa Bình	2.415
101	Đồng Lai 2 (Thanh Hối)	Xã Tân Lạc	2.412
102	Thanh Hà	Xã An Nghĩa	2.401
103	Hung Thi	Xã An Bình	2.394
104	Văn Lang	Xã Văn Lang	2.392
105	An Bình	Xã An Bình	2.384
106	Chiềng Châu	Xã Mai Hạ	2.381
107	Tiên Phong 3 (Yên Hòa)	Xã Quy Đức	2.379
108	Đồng Tâm	Xã Lạc Thủy	2.372
109	Phượng Mao	Xã Tu Vũ	2.364
110	Miền Đồi (Quý Hòa)	Xã Thượng Cốc	2.357
111	Dân Hoà 2	Phường Kỳ Sơn	2.355
112	Tân Pheo (Giáp Đắc)	Xã Tân Pheo	2.354
113	Yên Nghiệp	Xã Đại Đồng	2.354
114	Hanh Cù	Xã Thanh Ba	2.351
115	Ân Nghĩa	Xã Đại Đồng	2.342
116	Yên Phú	Xã Yên Phú	2.336
117	Cự Thắng 2	Xã Võ Miếu	2.320
118	Đồng Bảng	Xã Mai Châu	2.316
119	Thạch Kiệt 1	Xã Tân Sơn	2.313
120	Thái Thịnh	Phường Hòa Bình	2.313
121	Xuân Hoà	Phường Xuân Hòa	2.304
122	Lập Chiềng	Xã Hợp Kim	2.303
123	Bình Hẻm	Xã Yên Phú	2.298
124	Tông Đậu	Xã Mai Châu	2.293
125	Thủy điện Suối Nhạp	Xã Tân Pheo	2.292
126	Thành phố Hòa Bình	Phường Hòa Bình	2.292
127	Xuân Phong 2	Xã Cao Phong	2.291
128	Đồng Ruộng	Xã Quy Đức	2.289
129	Dân Hạ (Yên Mông)	Phường Kỳ Sơn	2.287

130	Độc Lập	Phường Kỳ Sơn	2.285
131	Dân Chủ	Phường Thống Nhất	2.271
132	Yên Bồng	Xã Lạc Thủy	2.266
133	Na Mèo	Xã Mai Châu	2.260
134	Đồng Bàng (Tân Mai)	Xã Mai Châu	2.239
135	Yên Lập	Xã Yên Lập	2.232
136	Hiền Lương	Xã Hiền Lương	2.227
137	Tiên Lương	Xã Tiên Lương	2.225
138	Mường Tuồng	Xã Đức Nhân	2.223
139	Hiền Lương	Xã Đà Bắc	2.222
140	Trường Sơn	Xã Liên Sơn	2.197
141	Bằng Luân	Xã Bằng Luân	2.179
142	Yên Lương	Xã Hương Cầm	2.171
143	Dị Nậu	Xã Thọ Văn	2.151
144	Tân Minh	Xã Văn Miếu	2.130
145	Thủy điện Định Cư	Xã Quyết Thắng	2.126
146	Thủy điện Miền Đồi	Xã Thượng Cốc	2.122
147	Vầy Nưa	Xã Tiền Phong	2.121
148	Quang Húc	Xã Vạn Xuân	2.105
149	Hòa Bình	Phường Hòa Bình	2.094
150	Thủy điện Suối Tráng	Xã Thung Nai	2.080
151	Lạc Sỹ 2	Xã Lạc Lương	2.076
152	Tân Lập	Xã Mường Vang	2.061
153	Xuân Thủy	Xã Xuân Viên	2.061
154	Cầm Khê	Xã Cầm Khê	2.043
155	Đông Lĩnh	Xã Quảng Yên	2.035
156	Trung Sơn	Xã Trung Sơn	2.024
157	Thanh Sơn	Xã Thanh Sơn	2.010
158	Thanh Ba	Xã Thanh Ba	2.006
159	Quý Hòa	Xã Mường Vang	1.992
160	Cun Pheo	Xã Pà Cò	1.982
161	Bao La 2 (Mai Hịch)	Xã Bao La	1.979
162	Liên Hòa	Xã An Bình	1.976
163	Tân Dân 2	Xã Tân Mai	1.950
164	An Lạc	Xã An Bình	1.945
165	Vụ Quang	Xã Chân Mộng	1.929
166	Việt Trì	Phường Việt Trì	1.915
167	Phú Hộ	Phường Phong Châu	1.912
168	Phú Lão	Xã An Nghĩa	1.909
169	Chi cục thủy lợi Phú Thọ	Phường Việt Trì	1.896
170	Vĩnh Yên	Phường Vĩnh Yên	1.870
171	Bao La	Xã Bao La	1.868
172	Thọ Sơn (Đoan Hùng)	Xã Đoan Hùng	1.862
173	Năng Yên	Xã Quảng Yên	1.833
174	Lâm Thao	Xã Phùng Nguyên	1.825

175	Thu Cúc	Xã Thu Cúc	1.824
176	Phú Thọ	Phường Phú Thọ	1.824
177	Việt Trì	Phường Việt Trì	1.820
178	Tam Dương	Xã Tam Dương	1.784
179	Sầm Khỏe	Xã Bao La	1.771
180	Quảng Cư	Xã Sông Lô	1.712
181	Phúc Yên	Phường Phúc Yên	1.464
182	Bình Xuyên	Xã Bình Nguyên	1.355
183	Đồng Chum	Xã Tân Pheo	1.283

Phụ lục 2: Tổng hợp thiệt hại năm 2025

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh Phú Thọ)

Mã	CHỈ TIÊU THIẾT HẠI	Đơn vị tính	Số lượng	Ước thiệt hại (triệu đồng)
NG	THIỆT HẠI VỀ NGƯỜI			
NG01	Số người chết:	người	6,0	
<i>NG012</i>	<i>Nữ giới</i>	người	3,0	
<i>NG014</i>	<i>Đối tượng khác</i>	người	3,0	
NG03	Số người bị thương	người	3,0	
<i>NG032</i>	<i>Nữ giới</i>	người	1,0	
<i>NG034</i>	<i>Đối tượng khác</i>	người	2,0	
NG04	Số hộ bị ảnh hưởng, sơ tán, di dời	hộ	4.224,0	
NG05	Số người bị ảnh hưởng sơ tán, di dời	người	15.194,0	
NH	THIỆT HẠI VỀ NHÀ Ở	triệu đồng	6.401,0	75.897,4
NH01	Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)	cái	72,0	3.385,7
<i>NH011</i>	<i>Nhà kiên cố</i>	cái	7,0	1.700,0
<i>NH012</i>	<i>Nhà bán kiên cố</i>	cái	48,0	1.075,0
<i>NH013</i>	<i>Nhà thiếu kiên cố</i>	cái	10,0	359,4
<i>NH014</i>	<i>Nhà đơn sơ</i>	cái	7,0	251,3
NH02	Thiệt hại rất nặng (từ 50% - 70%)	cái	83,0	2.529,7
<i>NH021</i>	<i>Nhà kiên cố</i>	cái	9,0	2.041,7
<i>NH022</i>	<i>Nhà bán kiên cố</i>	cái	70,0	441,0
<i>NH023</i>	<i>Nhà thiếu kiên cố</i>	cái	4,0	47,0
NH03	Thiệt hại nặng (từ 30% - 50%)	cái	352,0	6.611,9
<i>NH031</i>	<i>Nhà kiên cố</i>	cái	103,0	3.839,1
<i>NH032+F43</i>	<i>Nhà bán kiên cố</i>	cái	166,0	2.742,1
<i>NH033</i>	<i>Nhà thiếu kiên cố</i>	cái	76,0	16,7
<i>NH034</i>	<i>Nhà đơn sơ</i>	cái	7,0	14,0
NH04	Thiệt hại một phần (dưới 30%)	cái	2.069,0	45.923,2
<i>NH041</i>	<i>Nhà kiên cố</i>	cái	531,0	5.176,9
<i>NH042</i>	<i>Nhà bán kiên cố</i>	cái	1.072,0	4.674,3
<i>NH043</i>	<i>Nhà thiếu kiên cố</i>	cái	419,0	35.939,0
<i>NH044</i>	<i>Nhà đơn sơ</i>	cái	47,0	133,0
NH05	Nhà bị ngập nước	lượt	3.523,0	10.335,4
<i>NH051</i>	<i>Bị ngập dưới 1m</i>	lượt	3.148,0	8.446,0
<i>NH052</i>	<i>Bị ngập nước (1-3)m</i>	lượt	352,0	1.866,4

NH053	Bị ngập nước trên 3m	lượt	23,0	23,0
NH07	Nhà phải di dời khẩn cấp	cái	302,0	2.570,0
NH09	Các thiệt hại về nhà ở khác (*)	triệu đồng	x	4.541,5
GD	THIỆT HẠI VỀ GIÁO DỤC	triệu đồng	x	11.564,5
GD01	Số điểm/trường bị ảnh hưởng	điểm	113,0	x
GD02	Phòng học, phòng chức năng công vụ, nhà ở tập thể, nhà bán trú cho học sinh/sinh viên/học viên	cái	70,0	5.358,0
GD021	Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)	cái	2,0	200,0
GD023	Thiệt hại nặng từ 30% -50%	cái	8,0	1.030,0
GD024	Thiệt hại một phần (dưới 30%)	cái	60,0	4.128,0
GD03	Phòng học, phòng chức năng công vụ, nhà ở tập thể, nhà bán trú cho học sinh/sinh viên/học viên bị ngập nước	cái	12,0	633,0
GD031	Bị ngập dưới 1m	cái	10,0	286,0
GD032	Bị ngập nước (1-3)m	cái	2,0	347,0
GD04	Các thiết bị giáo dục ở điểm/trường bị hư hỏng	triệu đồng	x	595,0
GD05	Các thiệt hại về giáo dục khác (*)	triệu đồng	x	4.978,5
YT	THIỆT HẠI VỀ Y TẾ	triệu đồng	x	938,0
YT01	Số cơ sở y tế (bệnh viện, trung tâm y tế, trạm y tế)	cái	4,0	695,0
YT014	Thiệt hại một phần (dưới 30%)	cái	4,0	695,0
YT012	Số cơ sở y tế (bệnh viện, trung tâm y tế, trạm y tế) bị ngập nước	cái	3,0	18,0
YT021	Bị ngập dưới 1m	cái	2,0	15,0
YT023	Bị ngập nước trên 3m	cái	1,0	3,0
YT04	Thuốc bị ướt, hư hỏng, cuốn trôi	triệu đồng	x	0,0
YT05	Vật tư, máy móc và thiết bị y tế bị hư hỏng, cuốn trôi	triệu đồng	x	120,0
YT06	Các thiệt hại về Y tế khác (*)	triệu đồng	x	105,0
VH	THIỆT HẠI VỀ VĂN HÓA	triệu đồng	x	992,5
VH01	Công trình văn hoá	cái	27,0	304,5
VH01	Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)	cái	1,0	25,0
VH02	Thiệt hại rất nặng từ 50% - 70%	cái	0,0	100,0
VH03	Thiệt hại nặng từ 30% -50%	cái	5,0	60,0
VH04	Thiệt hại một phần (dưới 30%)	cái	21,0	119,5
VH02	Di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh	cái	1,0	80,0
VH022	Thiệt hại rất nặng từ 50% - 70%	cái	1,0	80,0

VH03	Trang thiết bị tại công trình văn hóa	triệu đồng	x	292,5
VH04	Các thiệt hại về văn hóa khác (*)	triệu đồng	x	315,5
NLN	THIỆT HẠI VỀ NÔNG, LÂM, DIÊM NGHIỆP	triệu đồng	x	262.343,7
NLN01	Diện tích lúa	ha	7.318,6	95.466,4
NLN011	Diện tích gieo cấy lúa thuần	ha	6.110,0	71.874,7
<i>NLN0111</i>	<i>Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)</i>	<i>ha</i>	<i>1.400,1</i>	<i>27.796,5</i>
<i>NLN0112</i>	<i>Thiệt hại rất nặng từ 50% - 70%</i>	<i>ha</i>	<i>1.183,7</i>	<i>19.499,6</i>
<i>NLN0113</i>	<i>Thiệt hại nặng từ 30% -50%</i>	<i>ha</i>	<i>1.178,5</i>	<i>7.194,2</i>
<i>NLN0114</i>	<i>Thiệt hại một phần (dưới 30%)</i>	<i>ha</i>	<i>2.347,7</i>	<i>17.384,4</i>
NLN012	Diện tích gieo cấy lúa lai	ha	1.208,6	23.591,6
<i>NLN0121</i>	<i>Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)</i>	<i>ha</i>	<i>285,3</i>	<i>8.896,2</i>
<i>NLN0122</i>	<i>Thiệt hại rất nặng từ 50% - 70%</i>	<i>ha</i>	<i>274,2</i>	<i>7.776,5</i>
<i>NLN0123</i>	<i>Thiệt hại nặng từ 30% -50%</i>	<i>ha</i>	<i>254,5</i>	<i>2.980,8</i>
<i>NLN0124</i>	<i>Thiệt hại một phần (dưới 30%)</i>	<i>ha</i>	<i>394,6</i>	<i>3.938,1</i>
NLN02	Diện tích mạ	ha	115,0	1.526,0
NLN021	Diện tích mạ lúa thuần	ha	66,2	959,6
<i>NLN0211</i>	<i>Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)</i>	<i>ha</i>	<i>20,1</i>	<i>294,1</i>
<i>NLN0213</i>	<i>Thiệt hại nặng từ 30% -50%</i>	<i>ha</i>	<i>13,0</i>	<i>500,0</i>
<i>NLN0214</i>	<i>Thiệt hại một phần (dưới 30%)</i>	<i>ha</i>	<i>33,1</i>	<i>165,5</i>
NLN022	Diện tích mạ lúa lai	ha	48,8	566,4
<i>NLN0221</i>	<i>Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)</i>	<i>ha</i>	<i>33,0</i>	<i>250,0</i>
<i>NLN0223</i>	<i>Thiệt hại nặng từ 30% -50%</i>	<i>ha</i>	<i>12,3</i>	<i>301,4</i>
<i>NLN0224</i>	<i>Thiệt hại một phần (dưới 30%)</i>	<i>ha</i>	<i>3,5</i>	<i>15,0</i>
NLN03	Diện tích hoa màu, rau màu	ha	5.241,7	62.691,0
<i>NN031</i>	<i>Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)</i>	<i>ha</i>	<i>2.063,2</i>	<i>37.465,8</i>
<i>NN032</i>	<i>Thiệt hại rất nặng từ 50% - 70%</i>	<i>ha</i>	<i>594,8</i>	<i>8.385,5</i>
<i>NN033</i>	<i>Thiệt hại nặng từ 30% -50%</i>	<i>ha</i>	<i>677,3</i>	<i>7.455,0</i>
<i>NN034</i>	<i>Thiệt hại một phần (dưới 30%)</i>	<i>ha</i>	<i>1.906,4</i>	<i>9.384,8</i>
NLN04	Số lượng hoa, cây cảnh các loại	chậu,cây	4.901,1	1.554,0
<i>NLN041</i>	<i>Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)</i>	<i>chậu,cây</i>	<i>1.543,1</i>	<i>1.202,2</i>
<i>NLN042</i>	<i>Thiệt hại rất nặng từ 50% - 70%</i>	<i>chậu,cây</i>	<i>3.330,0</i>	<i>300,0</i>
<i>NLN043</i>	<i>Thiệt hại nặng từ 30% -50%</i>	<i>chậu,cây</i>	<i>16,0</i>	<i>26,0</i>
<i>NLN044</i>	<i>Thiệt hại một phần (dưới 30%)</i>	<i>chậu,cây</i>	<i>12,0</i>	<i>25,8</i>
NLN05	Diện tích cây trồng lâu năm	ha	542,7	10.517,1
<i>NLN051</i>	<i>Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)</i>	<i>ha</i>	<i>172,2</i>	<i>7.570,0</i>
<i>NLN052</i>	<i>Thiệt hại rất nặng từ 50% - 70%</i>	<i>ha</i>	<i>94,4</i>	<i>1.107,4</i>
<i>NLN053</i>	<i>Thiệt hại nặng từ 30% -50%</i>	<i>ha</i>	<i>144,8</i>	<i>1.127,7</i>
<i>NLN054</i>	<i>Thiệt hại một phần (dưới 30%)</i>	<i>ha</i>	<i>131,3</i>	<i>712,0</i>

NLN06	Diện tích cây trồng hàng năm	ha	3.273,1	61.966,5
NLN061	Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)	ha	1.774,6	45.084,1
NLN062	Thiệt hại rất nặng từ 50% - 70%	ha	424,6	10.836,5
NLN063	Thiệt hại nặng từ 30% -50%	ha	182,1	2.527,7
NLN064	Thiệt hại một phần (dưới 30%)	ha	891,7	3.518,2
NLN07	Diện tích cây ăn quả tập trung	ha	327,2	12.583,2
NLN071	Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)	ha	75,4	7.097,3
NLN072	Thiệt hại rất nặng từ 50% - 70%	ha	72,0	1.235,7
NLN073	Thiệt hại nặng từ 30% -50%	ha	87,0	3.036,8
NLN074	Thiệt hại một phần (dưới 30%)	ha	92,9	1.213,4
NLN08	Diện tích rừng hiện có	ha	662,7	10.688,4
NLN081	Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)	ha	127,6	3.149,9
NLN082	Thiệt hại rất nặng từ 50% - 70%	ha	66,0	1.084,3
NLN083	Thiệt hại nặng từ 30% -50%	ha	2,0	40,0
NLN084	Thiệt hại một phần (dưới 30%)	ha	467,2	6.414,1
NLN09	Diện tích rừng trồng phân tán	ha	86,4	824,0
NLN091	Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)	ha	6,2	120,0
NLN092	Thiệt hại rất nặng từ 50% - 70%	ha	44,7	477,0
NLN093	Thiệt hại nặng từ 30% -50%	ha	35,1	217,0
NLN094	Thiệt hại một phần (dưới 30%)	ha	0,5	10,0
NLN9	Cây bóng mát, cây xanh đô thị bị đổ, gãy	cây	916,0	651,0
NLN10	Cây giống bị hư hỏng	ha	1,0	0,0
NLN13	Diện tích đất ở bị xói lở, vùi lấp	ha	20,7	700,0
NLN19	Các thiệt hại về nông, lâm, diêm nghiệp khác (*)	triệu đồng	x	3.176,2
CHN	THIỆT HẠI VỀ CHĂN NUÔI	triệu đồng	x	9.976,5
CHN1	Gia súc bị chết, cuốn trôi	con	463,0	939,9
CHN01	Trâu, bò, ngựa	con	20,0	166,0
CHN02	Nai, cừu, dê	con	7,0	19,0
CHN03	Lợn	con	198,0	426,9
CHN04	Các loại gia súc khác	con	238,0	328,0
CHN02	Gia cầm bị chết, cuốn trôi	con	48.635,0	7.773,2
CHN021	Gà, vịt, ngan, ngỗng	con	48.502,0	7.749,3
CHN023	Các loại gia cầm khác	con	133,0	23,9
CHN03	Các loại vật nuôi khác bị chết, cuốn trôi	con	101,0	67,0
CHN04	Thức ăn gia súc, gia cầm bị cuốn trôi, vùi lấp, hư hỏng	tấn	2,0	0,0

CHN05	Vật tư phục vụ chăn nuôi bị cuốn trôi, hư hỏng	triệu đồng	x	100,0
CHN06	Chuồng trại, trang thiết bị chăn nuôi bị hư hỏng	triệu đồng	x	903,4
CHN07	Các thiệt hại về chăn nuôi khác (*)	triệu đồng	x	193,0
TL	THIỆT HẠI VỀ THỦY LỢI	triệu đồng	x	413.646,6
TL01	Đê từ cấp III đến cấp đặc biệt		x	50,0
<i>TL011</i>	<i>Chiều dài bị sạt, nứt, vỡ (ghi rõ chiều dài vỡ)</i>	<i>m</i>	20,0	50,0
<i>TL012</i>	<i>Khối lượng đất</i>	<i>m³</i>	250,0	0,0
TL02	Đê từ cấp IV trở xuống, đê bồi, bờ bao		x	55.220,0
<i>TL021</i>	<i>Chiều dài bị sạt, nứt, vỡ (ghi rõ chiều dài vỡ)</i>	<i>m</i>	971,0	55.220,0
TL03	Kè		x	47.762,0
<i>TL031</i>	<i>Chiều dài sạt lở, hư hỏng</i>	<i>m</i>	2.206,0	47.570,0
<i>TL032</i>	<i>Diện tích bong xô</i>	<i>m²</i>	110,0	0,0
<i>TL032</i>	<i>Khối lượng đất</i>	<i>m³</i>	1.706,0	21,0
<i>TL033</i>	<i>Khối lượng đá, bê tông</i>	<i>m³</i>	302,0	171,0
TL04	Kênh mương bị sạt, trôi, hư hỏng		x	55.442,9
<i>TL041</i>	<i>Chiều dài</i>	<i>m</i>	240.591,5	55.442,9
<i>TL042</i>	<i>Khối lượng đất</i>	<i>m³</i>	306.422,8	x
<i>TL043</i>	<i>Khối lượng đá, bê tông</i>	<i>m³</i>	3.253,5	x
TL04	Cống		25,0	11.940,0
<i>TL041</i>	<i>Cống, bông bị hư hỏng</i>	<i>cái</i>	24,0	11.940,0
<i>TL043</i>	<i>Cống bị trôi</i>	<i>cái</i>	1,0	0,0
TL05	Đập thủy lợi		109,0	102.791,1
<i>TL051</i>	<i>Đập bị sạt lở, hư hỏng</i>	<i>cái</i>	49,0	90.725,2
<i>TL052</i>	<i>Đập bị vỡ (ghi rõ tên đập, chiều dài vỡ)</i>	<i>cái</i>	60,0	12.065,9
TL06	Số trạm bơm	<i>cái</i>	41,0	5.667,6
<i>TL061</i>	<i>Kiên cố bị hư hỏng</i>	<i>cái</i>	28,0	5.630,6
<i>TL062</i>	<i>Bán kiên cố bị hư hỏng</i>	<i>cái</i>	13,0	37,0
TL07	Công trình thủy lợi khác bị vỡ, trôi và hư hỏng	<i>cái</i>	21,0	5.795,0
TL08	Bờ biển, bờ sông, suối bị sạt lở		x	125.440,0
<i>TL081</i>	<i>Chiều dài sạt lở</i>	<i>m</i>	17.030,0	125.430,0
<i>TL082</i>	<i>Diện tích bị mất</i>	<i>m²</i>	11.240,0	x
<i>TL084</i>	<i>Khối lượng đá, bê tông</i>	<i>m³</i>	7,8	10,0
TL09	Các thiệt hại về thủy lợi khác (*)	triệu đồng	290,0	3.538,0
GT	THIỆT HẠI VỀ GIAO THÔNG	triệu đồng	x	513.201,2
GT01	Đường giao thông Trung		x	49.421,0

	ương (quốc lộ)			
GT011	Chiều dài sạt lở, hư hỏng	m	841,5	24.155,0
GT012	Chiều dài bị ngập	m	390,0	49,0
GT013	Khối lượng đất	m ³	19.416,0	x
GT015	Cầu bị hư hỏng	cái	2,0	2.000,0
GT016	Cống bị hư hỏng	cái	24,0	23.017,0
GT017	Điểm/đường giao thông bị sạt lở, ách tắc	điểm	49,0	x
GT018	Thiết bị, máy móc, vật tư	triệu đồng	x	200,0
GT02	Đường giao thông địa phương (đường tỉnh, đường huyện, đường xã)		x	458.779,2
GT021	Chiều dài sạt lở, hư hỏng	m	58.603,5	374.937,7
GT022	Chiều dài bị ngập	m	27.633,0	x
GT023	Khối lượng đất	m ³	252.839,0	x
GT024	Khối lượng đá, bê tông, nhựa đường	m ³	394,0	x
GT025	Cầu bị hư hỏng	cái	11,0	58.705,0
GT026	Cống bị hư hỏng	cái	53,0	20.926,5
GT027	Điểm/đường giao thông bị sạt lở, ách tắc	điểm	1.379,0	x
GT028	Thiết bị, máy móc, vật tư	triệu đồng	x	10,0
GT029	Công trình phụ trợ khác	cái	5,0	4.200,0
GT05	Đường thủy nội địa địa phương		x	30,0
GT052	Thiết bị, máy móc, vật tư	triệu đồng	x	30,0
TS9	Các thiệt hại về giao thông khác (*)	triệu đồng	x	4.971,0
TS	THIỆT HẠI VỀ THỦY SẢN	triệu đồng	x	116.435,4
TS01	Diện tích nuôi cá truyền thống		4.258,0	103.486,8
TS011	Diện tích nuôi ao hồ nhỏ	ha	3.491,4	78.332,8
TS0111	Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)	ha	1.052,8	36.635,7
TS0112	Thiệt hại rất nặng từ 50% - 70%	ha	758,7	19.909,8
TS0113	Thiệt hại nặng từ 30% -50%	ha	602,8	15.403,8
TS0114	Thiệt hại một phần (dưới 30%)	ha	1.077,1	6.383,5
TS012	Diện tích nuôi cá - lúa, nuôi hồ mặt nước lớn	ha	766,6	25.154,0
TS0121	Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)	ha	303,7	21.290,0
TS0122	Thiệt hại rất nặng từ 50% - 70%	ha	96,3	1.356,5
TS0123	Thiệt hại nặng từ 30% -50%	ha	223,6	2.232,5
TS0124	Thiệt hại một phần (dưới 30%)	ha	143,0	275,0
TS02	Diện tích nuôi cá da trơn	ha	0,0	4,8

TS022	Thiệt hại rất nặng từ 50% - 70%	ha	0,0	4,8
TS03	Diện tích nuôi tôm	ha	2,7	1.400,0
TS031	Diện tích nuôi tôm quảng canh	ha	0,7	700,0
TS0311	Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)	ha	0,7	700,0
TS032	Diện tích nuôi tôm thâm canh	ha	2,0	700,0
TS0321	Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)	ha	2,0	700,0
TS05	Các loại thủy, hải sản khác (*)	ha	26,8	1.017,3
TS051	Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)	ha	6,1	380,0
TS052	Thiệt hại rất nặng từ 50% - 70%	ha	19,6	392,8
TS053	Thiệt hại nặng từ 30% -50%	ha	1,1	239,5
TS054	Thiệt hại một phần (dưới 30%)	ha	0,0	5,0
TS06	Lồng, bè nuôi thủy, hải sản các loại	100m3/lồng	62,0	10.291,5
TS061	Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)	100m3/lồng	45,0	10.246,5
TS063	Thiệt hại nặng từ 30% -50%	100m3/lồng	6,0	19,0
TS064	Thiệt hại một phần (dưới 30%)	100m3/lồng	11,0	26,0
TS07	Phương tiện khai thác thủy, hải sản	chiếc	1,0	25,0
TS071	Công suất <20CV	chiếc	1,0	25,0
TS0711	Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)	chiếc	1,0	25,0
TS10	Các thiệt hại về thủy sản khác (*)	triệu đồng	x	210,0
TT	THIỆT HẠI VỀ THÔNG TIN LIÊN LẠC	triệu đồng	x	30,0
TT01	Cột Ăng ten bị đổ, gãy	cái	1,0	0,0
TT02	Cột treo cáp bị đổ, gãy	cái	1,0	30,0
TT03	Nhà trạm	cái	1,0	0,0
TT034	Thiệt hại một phần (dưới 30%)	cái	1,0	0,0
CN	THIỆT HẠI VỀ CÔNG NGHIỆP	triệu đồng	x	62.427,0
CN01	Cột điện bị đổ, gãy	cái	138,0	983,0
CN011	Trung và cao thế	cái	5,0	60,0
CN012	Hạ thế	cái	133,0	923,0
CN02	Dây điện bị đứt	m	1.179,0	189,0
CN021	Trung và cao thế	m	5,0	50,0
CN022	Hạ thế	m	1.174,0	139,0
CN03	Trạm biến thế bị hư hỏng	cái	4,0	200,0
CN031	Trung và cao thế	cái	4,0	200,0
CN06	Nhà xưởng, xí nghiệp, công trình công nghiệp	cái	3,0	350,0
CN061	Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)	cái	1,0	50,0

CN063	Thiệt hại nặng từ 30% -50%	cái	1,0	300,0
CN064	Thiệt hại một phần (dưới 30%)	cái	1,0	0,0
CN07	Máy móc, thiết bị bị phá hủy, hư hỏng	cái	19,0	15.305,0
CN08	Than, khoáng sản bị trôi	tấn	13.700,0	40.400,0
CN10	Thiệt hại khác trong nhà máy, xí nghiệp (*)	triệu đồng	x	5.000,0
XD	THIỆT HẠI VỀ XÂY DỰNG	triệu đồng	x	5.515,0
XD01	Các công trình đang thi công	triệu đồng	x	5.000,0
XD011	Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)	triệu đồng	x	5.000,0
XD04	Các thiệt hại về xây dựng khác (*)	triệu đồng	x	515,0
MT	THIỆT HẠI VỀ NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG	triệu đồng	x	214,0
MT03	Số hộ thiếu nước sạch sử dụng	hộ	75,0	30,0
MT04	Công trình cấp nước bị hư hỏng	công trình	2,0	10,0
MT05	Các thiệt hại về NS và VSMT khác (*)	triệu đồng	x	174,0
CT	THIỆT HẠI VỀ CÁC CÔNG TRÌNH KHÁC	triệu đồng	x	24.038,4
CT01	Trụ sở cơ quan	cái	10,0	752,0
CT011	Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)	cái	1,0	30,0
CT013	Thiệt hại nặng từ 30% -50%	cái	1,0	150,0
CT014	Thiệt hại một phần (dưới 30%)	cái	8,0	572,0
CT02	Chợ, trung tâm thương mại	cái	2,0	0,0
CT023	Thiệt hại nặng từ 30% -50%	cái	1,0	0,0
CT024	Thiệt hại một phần (dưới 30%)	cái	1,0	0,0
CT03	Nhà kho, phân xưởng	cái/m ²	4,0	65,0
CT034	Thiệt hại một phần (dưới 30%)	cái/m ²	4,0	65,0
CT04	Tường rào, cổng bị đổ, sập, hư hỏng	triệu đồng	x	11.113,3
CT05	Công trình phụ bị hư hỏng	triệu đồng	x	475,5
CT07	Các thiệt hại khác cơ quan (*)	triệu đồng	x	11.632,6
CT07	Thiệt hại khác	triệu đồng	x	52.835,0
ƯỚC TÍNH TỔNG THIẾT HẠI BẰNG TIỀN		triệu đồng	x	1.550.055,2

Phụ lục 3: Bảng thống kê chi tiết nguyên nhân người chết và mất tích do thiên tai
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh Phú Thọ)

TT	Địa điểm chết	Họ và tên	Năm sinh		Địa chỉ/quê quán	Nguyên nhân	Thời gian	Ghi chú
			Nam	Nữ				
1	xã Quyết Thắng	Bùi Văn Hải	1962		thường trú tại xóm Mương Chóng, xã Định Cư, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình (nay là xã Quyết Thắng, tỉnh Phú Thọ)	Do sét đánh	22/4/2025	
2	xã Mường Động	Triệu Thị Thúy Ngân		2008	khẩu thường trú tại thôn Suối Rèo xã Vĩnh Tiến, huyện Kim Bôi, tỉnh Hoà Bình (nay là xã Mường Động, tỉnh Phú Thọ)	Do lũ cuốn trôi	3/6/2025	
3	xã Đức Nhân	Xa Thị Tin		1984	trú tại xóm Chum Nưa, xã Đức Nhân	Do lũ cuốn trôi	15/7/2025	
4	xóm Tân Ngọc - xã Tân Lạc	Cù Văn Phương	1957		trú tại xóm Cọi Vinh, Tân Lạc, Phú Thọ	do giông lốc (tôn bay vào người)	19/7/2025	
5	Xã Võ Miếu	Hà Văn Ngộ	1966		tại Xóm Rĩa 1, xã Võ Miếu, huyện Thanh Sơn	Do sét đánh	15/6/2025	
6	xã Đồng Cương	Nguyễn Thị Bắc		1962	Thôn Phú Cường, xã Đồng Cương, huyện Yên Lạc	Do sét đánh	23/5/2025	